

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM BÌNH AN

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ  
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM BÌNH AN

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ  
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tố tụng hình sự  
Mã số : 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS. TS. TRẦN VĂN ĐỘ**

**HÀ NỘI, năm 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

**Tác giả luận văn**

**Phạm Bình An**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU</b> .....                                 | 7  |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò thực hành quyền công tố.....  | 7  |
| 1.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu.....  | 27 |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU Ở TỈNH GIA LAI</b> .....                                | 36 |
| 2.1. Một số tình hình liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai .....                                  | 36 |
| 2.2. Thực tiễn các hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở tỉnh Gia Lai .....                              | 39 |
| <b>CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU Ở TỈNH GIA LAI</b> ..... | 53 |
| 3.1. Dự báo những yếu tố liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tỉnh Gia Lai .....             | 53 |
| 3.2. Các giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tỉnh Gia Lai .....                      | 57 |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....   | 79 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>  |    |
| <b>PHỤ LỤC</b>  |    |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|         |                                |
|---------|--------------------------------|
| BLHS    | Bộ luật hình sự                |
| BLTTHS  | Bộ luật TTHS                   |
| KSND    | Kiểm sát nhân dân              |
| TTHS    | TTHS                           |
| VKSND   | Viện kiểm sát nhân dân         |
| VKSNDTC | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có Viện kiểm sát nhân dân là một đòi hỏi có tính cấp bách của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trong những năm qua, đất nước ta đã có những bước tiến vượt bậc về kinh tế, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rất đáng kể. Bên cạnh thành tựu đã đạt được, những ảnh hưởng từ mặt trái của kinh tế thị trường, tình hình vi phạm pháp luật, tội phạm diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng về số vụ với tính chất và hậu quả nghiêm trọng hơn. Kết quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong những năm gần đây đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững thành quả cách mạng và tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới.

Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TƯ về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 thể hiện quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong cải cách tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan được trao chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung, trong điều tra vụ án hình sự nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời góp phần có hiệu quả vào việc giáo dục ý thức pháp luật. Kết quả điều tra vụ án hình sự là điều kiện tiên quyết thiết thực, trực tiếp cho việc truy tố và xét xử của tòa án được đúng đắn.

Gia Lai là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Nguyên của nước ta, với diện tích 15.536,92 km<sup>2</sup>, dân số 1.322.000 người (điều tra dân số đến năm 2011) bao gồm nhiều cộng đồng dân tộc cùng sinh sống. Trong những năm qua, các cơ quan tổ tụng tỉnh Gia Lai, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân, về cơ bản đã hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực vào công tác đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai vẫn còn bộc lộ một số yếu kém, hạn chế so với yêu cầu cải cách tư pháp. Những yếu kém trên do nhiều nguyên nhân khác nhau như nhận thức của cán bộ,

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra chưa đầy đủ, nhưng trong đó chủ yếu là do ý thức pháp luật và năng lực của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân còn nhiều hạn chế. Việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai còn nhiều thiếu sót cần phải khắc phục. Có như vậy việc áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai mới đạt kết quả cao hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

Đồng thời, từ góc độ lý luận, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống, chuyên sâu về vấn đề thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

Xuất phát từ những lý do trên, học viên chọn Đề tài: “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*” làm luận văn tốt nghiệp.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đã có một số công trình nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau liên quan đến vấn đề thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với vụ án hình sự trong những năm qua. Đáng chú ý là các công trình sau:

+ Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*;

+ Đỗ Văn Đương, *Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 138-140;

+ Phạm Hồng Hải, *Bàn về quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 82-88;

+ Nguyễn Quốc Hưng, *Hình sự tố tụng lược giảng, Nhà sách Khai trí*, tr. 47-131;

+ Võ Quang Nhạn, “*Bàn về quyền công tố*”, *đăng trên tạp chí công tác kiểm*

sát, số 2/ 1984;

+ Phạm Tuấn Khải, *Vài ý kiến về quyền công tố và thực hành quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 100;

+ Nguyễn Thái Phúc, *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 20;

+ Võ Thọ, *Một số vấn đề về Luật tố tụng hình sự. Nxb. Pháp lý. H. 1985, tr. 86-88;*

+ “*Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*”, của TS.Lê Hữu Thế chủ biên, Nxb Tư pháp, năm 2008;

+ Lê Hữu Thế - Đỗ Văn Đương - Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

+ Nguyễn Tất Viễn, *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những giải pháp nâng cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”*, H. 2002-2003, tr.21-22;

+ Võ Khánh Vinh, *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8/ 2003, tr. 3;*

Một số bài viết như:

Kết luận về công tác kiểm sát năm 1968, Nội san công tác kiểm sát, số 3/ 1968;

Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội, Giáo trình công tác kiểm sát (Phần chung). H. 1984, tr. 69-72;

"*Tổ chức và hoạt động của viện công tố ở Việt Nam trong giai đoạn cải cách tư pháp*" của Nguyễn Đức Mai, đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 10/2007; số 2/2008.

Ngoài ra còn một số bài báo và công trình khác nghiên cứu lĩnh vực thực hành quyền công tố dưới các góc độ khác nhau. Tuy nhiên, ở mỗi địa phương có những đặc thù khác nhau nên cần phải có hướng tiếp cận và áp dụng khác nhau. Kế thừa các kết



quả nghiên cứu nêu trên tác giả mạnh dạn tiếp cận vấn đề để nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố, Luận văn đưa ra những phương hướng và giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật.

+ Đánh giá thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai. Phân tích làm rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

+ Lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu;

+ Quy định của pháp luật liên quan đến quyền công tố và thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát;

+ Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

#### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

+ Luận văn chủ yếu đi sâu nghiên cứu thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2011 đến năm 2015.

+ Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu. Cụ thể từ khi bắt đầu thực hành quyền công tố cho đến khi kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án, không nghiên cứu giai đoạn Viện kiểm sát truy tố và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về tổ chức nhà nước pháp quyền, về Cải cách tư pháp.

#### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Trong Luận văn, tác giả vận dụng một số phương pháp nghiên cứu như phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, khảo sát và tổng kết thực tiễn... để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

#### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận về về hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu trên một địa bàn nhất định là của các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

#### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

Kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể được dùng làm tư liệu tham khảo phục vụ cho cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên trong cơ quan Viện kiểm sát, nhất là những Kiểm sát viên trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật.

Bên cạnh đó, Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu giảng dạy, học tập và nghiên cứu một số chuyên đề khác có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố

trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân nói riêng.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu;

Chương 2: Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở tỉnh Gia Lai;

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở tỉnh Gia Lai.

## CHƯƠNG 1

# LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò thực hành quyền công tố

#### 1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố

##### 1.1.1.1. Khái niệm quyền công tố

Hiến pháp năm 1980 là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta đưa ra thuật ngữ “thực hành quyền công tố” khi đề cập đến chức năng của Viện kiểm sát nhân dân [17, Điều 138]. Thuật ngữ này được nhắc lại ở Điều 1 và Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981. Như vậy, trong các hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, bên cạnh khái niệm truyền thống “kiểm sát việc tuân theo pháp luật” đã xuất hiện khái niệm “Quyền công tố” và “thực hành quyền công tố”. Từ đó đến nay, đã có nhiều tài liệu giảng dạy, nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học đề cập đến khái niệm này. Song, cho đến nay, khi chúng ta đang trong quá trình đẩy mạnh cải cách tư pháp, vẫn chưa đạt được sự thống nhất cao trong nhận thức vấn đề này. Khái quát lại thì có một số quan điểm sau:

- Quan điểm thứ nhất đồng nhất khái niệm quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân (trước khi Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001). Có thể thấy rõ quan điểm này xuất phát từ chức năng của Viện kiểm sát nhân dân để xem xét quyền công tố. Điều đó có nghĩa là, ngay cả khi Viện kiểm sát kiến nghị yêu cầu các cơ quan nhà nước sửa chữa những vi phạm pháp luật của mình trên lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội cũng là thực hành quyền công tố.

Theo quan điểm này, công tố không phải là một chức năng độc lập của Viện kiểm sát mà chỉ là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật [15, tr.74].

- Quan điểm thứ hai cho rằng quyền công tố là quyền của nhà nước giao cho Viện kiểm sát truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án, thực hiện sự buộc tội tại phiên tòa (thực hiện quyền công tố) [31, tr.86-88]. Điều đáng lưu ý của quan điểm này là việc nhấn mạnh vai trò duy nhất và chỉ thực hiện duy nhất là tố tụng hình sự và cũng chỉ ở một giai đoạn duy nhất của tố tụng hình sự là giai đoạn xét xử sơ thẩm (tức chỉ là việc truy

tố và buộc tội tại phiên toà).

- Quan điểm thứ ba cho rằng, quyền công tố là quyền đại diện cho nhà nước để đưa các vụ việc vi phạm trật tự pháp luật ra cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích của nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật. Quan điểm này được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức của Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (nay là trường Đại học Kiểm sát) [34, tr.69-72] và thường xuyên được nhắc đến trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các chuyên đề tổng kết trước đây của ngành kiểm sát.

- Quan điểm thứ tư cho rằng, quyền công tố là quyền nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng các chế tài hình sự đối với người phạm tội. Nói cách khác, quyền công tố do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự và thi hành án hình sự. Đó là hoạt động tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên và những người khác được pháp luật quy định có trách nhiệm xác định kẻ phạm tội cũng như các căn cứ để kết tội và áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội [9].

- Quan điểm thứ năm cho rằng quyền công tố bao gồm quyền khởi tố, điều tra vụ án, quyền truy tố và buộc tội bị cáo trước Toà án. Quyền công tố luôn gắn liền với hoạt động buộc tội nhân danh nhà nước (nhân danh công quyền). Do vậy, quyền công tố chỉ được thực hiện trong một lĩnh vực duy nhất, đó là lĩnh vực tố tụng hình sự. Chủ thể tham gia vào các hoạt động thực hành quyền công tố chỉ bao gồm Cơ quan điều tra (Điều tra viên) và Viện công tố (Công tố viên).

- Quan điểm thứ sáu cho rằng, quyền công tố là sự cáo buộc của nhà nước đối với các cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật, bao gồm vi phạm hành chính, vi phạm luật dân sự, luật kinh tế và luật hình sự. Và quyền công tố là quyền của nhà nước thực hiện sự cáo buộc đó [11, tr.82-88]. Với tính cách là một quyền năng của nhà nước, quyền công tố được thực hiện trong tất cả các quá trình giải quyết các vi phạm pháp luật bao gồm tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động, tố tụng hành chính.

- Quan điểm thứ bảy cho rằng, quyền công tố là quyền của nhà nước đưa các việc làm phạm pháp liên quan đến lợi ích chung ra Toà để xét xử, vì nhà nước nhân dân xã hội duy trì trật tự chung bằng pháp luật. Sự can thiệp của nhà nước vào các việc phạm pháp nói trên là do nhu cầu duy trì mọi xung đột xã hội gắn với trật tự công cộng mà trách nhiệm của nhà nước phải đứng ra điều hoà - đó là bản chất là

quyền lực công [10, tr.138-140].

- Quan điểm thứ tám cho rằng: “Công tố quyền là quyền được hành xử nhân danh xã hội, vì lợi ích chung cho xã hội với mục đích là Toà án tuyên một hình phạt đối với người phạm pháp”. Theo họ, hành vi đưa các phạm nhân ra trước Toà để xét xử là sự truy tố. Cái quyền truy tố ấy là công tố quyền, vì là quyền của cộng đồng xã hội trừng trị kẻ gian manh qua các đại diện của xã hội. . . [12, tr.47-131].

Trên đây là một số quan điểm khác nhau về khái niệm quyền công tố. Mỗi quan điểm đều có những hạt nhân hợp lý riêng của nó. Tuy vậy xuất phát từ căn cứ khoa học, các quy định của pháp luật, thực tiễn hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng như kinh nghiệm tổ chức và hoạt động công tố ở các nước khác cho thấy quan điểm trên đã bộc lộ một số bất cập sau:

- Hoặc là đánh đồng quyền công tố với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát, dẫn đến tình trạng mở rộng phạm vi quyền công tố vượt khỏi lĩnh vực tố tụng hình sự sang các lĩnh vực tư pháp khác như dân sự, kinh tế, lao động, hành chính.

- Hoặc là coi quyền công tố là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, dẫn đến việc xem nhẹ bản chất của quyền công tố như là một hoạt động độc lập của Viện kiểm sát nhân danh quyền lực công.

- Hoặc là quá thu hẹp phạm vi quyền công tố, coi quyền công tố là quyền của Viện kiểm sát truy tố kẻ phạm tội ra Toà và thực hiện việc buộc tội tại phiên toà hình sự sơ thẩm.

Có thể thấy rằng, điểm hạn chế chung nhất của hầu hết các công trình nghiên cứu về quyền công tố là không phân định rõ được khái niệm, bản chất, nội dung, phạm vi của quyền công tố, hoạt động thực hành quyền công tố và hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật. Đa số đều cho rằng hai chức năng của Viện kiểm sát (chức năng công tố và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật) như pháp luật trước đây quy định vừa có tính độc lập tương đối, vừa liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại, bổ sung cho nhau, giữa chúng có những nội dung hoà nhập với nhau, đan xen lẫn nhau không thể tách rời, tạo nên sự thống nhất trong chức năng của Viện kiểm sát.

Theo ý kiến của tác giả Luận văn, để làm rõ khái niệm quyền công tố, phải xuất

phát từ lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới nói chung cũng như lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng. Dù muốn hay không, chúng ta không thể không thừa nhận nhà nước ra đời và tồn tại luôn luôn là đại diện chính thức cho xã hội (xét về mọi phương diện). Trong xã hội có giai cấp, bất kể là xã hội nào, có nhiều loại quan hệ xã hội cùng tồn tại, nhưng chung quy lại có hai nhóm quan hệ xã hội cơ bản: nhóm quan hệ xã hội thể hiện lợi ích công cộng và nhóm quan hệ xã hội thể hiện lợi ích của từng công dân. Nhà nước nói chung luôn luôn có trách nhiệm bảo vệ các quan hệ xã hội liên quan đến lợi ích chung, đến trật tự xã hội chung và trừng trị những hành vi vi phạm các quan hệ xã hội loại này. Không phải vô lý khi Nhà nước La Mã cổ đại và các nhà nước tư sản hiện đại phân chia pháp luật thành “Công pháp” và “Tư pháp”. Công pháp là luật pháp có liên quan đến lợi ích chung của toàn xã hội còn tư pháp là luật pháp liên quan đến lợi ích của từng công dân. Như chúng ta đã biết, cơ sở để phân chia công pháp và tư pháp là tính chất của lợi ích do pháp luật bảo vệ (điều chỉnh), các quy phạm của công pháp bảo vệ lợi ích của nhà nước (lợi ích chung của toàn xã hội), còn các quy phạm của tư pháp bảo vệ lợi ích của các công dân. Nguyên tắc đặc trưng của công pháp là các quy phạm công pháp mang tính chất bắt buộc không thể bị thay đổi bởi ý chí, bởi sự thoả thuận của các bên. Còn tư pháp, đặc trưng của nó là nhóm quy phạm cho phép, thừa nhận sự thoả thuận của các bên là cơ sở để xác định quan hệ của các bên. Do có sự phân chia thành “Công pháp” và “Tư pháp” như vậy nên hoạt động xét xử những vi phạm pháp luật tương ứng cũng được chia thành *Judicia publica* (hoạt động xét xử những vi phạm lợi ích nhà nước và xã hội) và *Judicia privata* (hoạt động xét xử các vi phạm lợi ích công dân). Và, pháp luật La Mã đã phân biệt khá rõ ràng, cụ thể hành vi phạm tội với vi phạm dân sự, án hình sự và án dân sự, tố tụng hình sự và tố tụng dân sự [16, tr.20].

Các luật gia Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (cũ) cho rằng, sự phân chia pháp luật thành “công pháp” và “tư pháp” chỉ có tính ước lệ và về nguyên tắc không thừa nhận nó với lập luận cho rằng, trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cơ bản, giữa lợi ích của từng cá nhân và lợi ích của Nhà nước không thể có sự đối lập mà kết hợp hài hoà. Đồng thời, chính việc thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đòi hỏi phải mở rộng sự can thiệp của nhà nước vào các quan hệ tư pháp. Mặc dù không thừa nhận sự phân chia hệ thống pháp luật thành “công pháp” và “tư pháp” nhưng khoa học pháp lý xã hội chủ nghĩa đã phân chia hệ thống pháp luật thành các ngành luật, trên

cơ sở dựa vào tính chất của các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, ví dụ như luật hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự, hành chính, tố tụng hành chính... Từ những nội dung trình bày trên, chúng tôi hoàn toàn tán thành quan điểm cho rằng, quyền công tố như bất kỳ một quyền (hay nhóm quyền) nào của Viện kiểm sát luôn luôn phải được xem xét trong mối liên hệ với tính đặc thù của một lĩnh vực pháp luật cụ thể nào đó trong hoạt động của Viện kiểm sát [16, tr.20]. Và, theo một logic thông thường, chúng tôi cho rằng, quyền công tố chỉ có thể được xem xét trong mối liên hệ với lĩnh vực pháp luật mà từ cội nguồn lịch sử của nó đã gắn liền không thể tách rời với việc nhân danh nhà nước (nhân danh công quyền) chống lại hình thức vi phạm pháp luật nghiêm trọng (tội phạm), đó là lĩnh vực tố tụng hình sự.

Chỉ cần làm một phép so sánh giữa hoạt động tố tụng hình sự và hoạt động tố tụng dân sự đã đủ để minh chứng cho nhận định trên. Chúng ta đều rõ là do có đối tượng điều chỉnh khác nhau (hành vi có dấu hiệu tội phạm và vấn đề tranh chấp dân sự) nên hoạt động tố tụng hình sự và hoạt động tố tụng dân sự được tiến hành theo những nguyên tắc đặc thù của hoạt động tố tụng hình sự là nguyên tắc công tố (nguyên tắc mọi hoạt động tố tụng được tiến hành trước hết và chủ yếu là vì lợi ích nhà nước, lợi ích chung của toàn xã hội), nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Chính lợi ích nhà nước, lợi ích chung của xã hội là động lực làm cho hoạt động tố tụng hình sự xuất hiện và phát triển từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, và chấm dứt, hoàn toàn không lệ thuộc vào ý chí của công dân tham gia vào hoạt động này (người bị hại, bị cáo, bị can...). Tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật nguy hiểm nhất. Kẻ phạm tội xâm phạm trước hết đến lợi ích nhà nước, lợi ích xã hội (trật tự, an ninh chung xã hội), sau là lợi ích của người bị hại. Bởi lẽ đó, nhà nước là người nhân danh xã hội thay mặt xã hội đứng ra trừng phạt kẻ phạm tội.

Còn hoạt động tố tụng dân sự, đối tượng của nó là các tranh chấp dân sự, chủ yếu đụng chạm đến lợi ích của các bên tham gia quan hệ dân sự. Do vậy, một trong những nguyên tắc đặc thù trong hoạt động tố tụng dân sự là nguyên tắc về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Ý chí, lợi ích của bản thân đương sự là động lực chủ yếu của hoạt động tố tụng dân sự, nó quyết định sự vận động của hoạt động tố tụng. Trong hoạt động tố tụng dân sự, một vấn đề có tính nguyên tắc là nghĩa vụ chứng minh trước hết và chủ yếu thuộc về đương sự. Điều này khác hẳn với các nguyên tắc



tố tụng hình sự.

Người nghiên cứu luận văn nhất trí với quan điểm cho rằng, cốt lõi của tố tụng hình sự là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm phát hiện, khám phá tội phạm, xác định và xử lý người phạm tội. Ngoài ra, có một số công dân cũng tham gia vào các hoạt động tố tụng, do có những mối quan hệ khác nhau. Nhưng, những người này chỉ được lôi cuốn vào hoạt động tố tụng khi hoạt động này đã xuất hiện trên cơ sở các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong hoạt động tố tụng hình sự, chúng ta thấy luôn luôn tồn tại ba chức năng tố tụng cơ bản: Chức năng buộc tội; chức năng bào chữa (gỡ tội) và chức năng xét xử

Buộc tội, với tư cách là một chức năng tố tụng luôn nhằm chống lại một cá nhân cụ thể và thực chất đó chính là hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Người buộc tội (cơ quan thực hiện chức năng buộc tội) có trách nhiệm và có quyền đưa ra lời cáo buộc cụ thể đối với những cá nhân cụ thể và có nhiệm vụ phải đưa ra những bằng chứng cụ thể cho sự cáo buộc đó. Và, trong chức năng buộc tội, hình thức buộc tội nhân danh nhà nước (nhân danh quyền lực công) giữ vai trò là động lực của hoạt động tố tụng. Nó được coi là trực chính, thu hút hoạt động của tất cả những ai tham gia tố tụng.

Một điểm cần hết sức lưu ý là trong tài liệu của các nước, khi đề cập đến vai trò, vị trí của Công tố viên (kiểm sát viên), các nhà làm luật đều gọi họ là “người buộc tội nhân danh nhà nước”. Và thuật ngữ “buộc tội nhân danh nhà nước” được dịch ngắn gọn sang tiếng Việt, theo đúng nghĩa của nó, là “công tố”.

Từ những nội dung được trình bày trên, người nghiên cứu cho rằng: *quyền công tố là quyền nhân danh nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Quyền này thuộc về nhà nước, được nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện (ở nước ta là cơ quan Viện kiểm sát) để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Để làm được điều này, cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố phải có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Trên cơ sở đó quyết định truy tố bị can ra trước Toà án và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên toà.*

Từ khái niệm trên, có thể xác định đối tượng, nội dung, phạm vi quyền công tố như sau:

- *Đối tượng của quyền công tố*: Đối tượng của quyền công tố được hiểu là cái mà quyền công tố tác động vào nhằm đạt được mục đích cụ thể nào đó (nhằm buộc được tội của người phạm tội để trừng phạt; nhằm khôi phục trật tự pháp luật đã bị xâm hại...).

Với quan điểm cho rằng, quyền công tố là quyền nhân danh nhà nước thực hiện sự buộc tội (thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự) đối với người phạm tội, người nghiên cứu quan niệm đối tượng của quyền công tố là tội phạm và người phạm tội.

- *Nội dung của quyền công tố*: Về nội dung của quyền công tố, hiện nay cũng đang có nhiều ý kiến khác nhau. Có thể nói, có bao nhiêu quan điểm về quyền công tố, về đối tượng và phạm vi quyền công tố thì cũng có bấy nhiêu quan niệm về nội dung của quyền công tố. Trên cơ sở quan niệm của mình về quyền công tố và đối tượng của quyền công tố đã được nêu ở trên, theo ý kiến người nghiên cứu nội dung của quyền công tố là sự buộc tội đối với người đã thực hiện hành vi tội phạm.

- *Phạm vi quyền công tố*: Xuất phát từ quan điểm coi quyền công tố là quyền nhân danh nhà nước thực hiện việc buộc tội đối với người phạm tội, người nghiên cứu cho rằng quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

#### *1.1.1.2. Khái niệm thực hành quyền công tố*

Trong khoa học luật tố tụng hình sự, việc xác định quyền công tố và theo đó là thực hành quyền công tố có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng. Giải quyết được rõ ràng, rành mạch những vấn đề trên giúp cho việc nhận thức đầy đủ, chính xác vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong hệ thống cơ quan nhà nước nói chung và trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp nói riêng, cũng như chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự.

Trong các tài liệu pháp lý ở nước ta, khái niệm thực hành quyền công tố cũng như nội dung, phạm vi, mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố với thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp còn ít được đề cập và chưa rõ ràng. Một số chuyên đề gần đây ở Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và một số Viện kiểm sát nhân dân địa phương khi đề cập đến hoạt động thực hành quyền công tố cũng chỉ mới đưa ra được một số biện pháp pháp lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát hình sự như: kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự, kiểm sát thi hành án v.v.. Trong những tài liệu này, các tác giả chỉ nhấn mạnh đến chủ thể thực hành quyền công tố, đó là Viện kiểm sát. Cơ sở lý luận mà họ dựa vào là những

nguyên lý của V.I. Lênin về pháp chế xã hội chủ nghĩa và vai trò của Viện kiểm sát nhân dân, về vai trò và bốn phạm của Ủy viên công tố; cơ sở pháp lý mà họ đưa ra là các quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân từ năm 1960 cho đến nay. Vì lẽ đó, trong nhận thức của không ít người làm công tác nghiên cứu và thực tiễn trong ngành cũng như ngoài ngành Kiểm sát đã nhầm lẫn giữa quyền công tố và thực hành quyền công tố trên các phương diện như: đối tượng, phạm vi, nội dung. Đồng thời, họ luôn gắn quyền công tố chỉ với Viện kiểm sát, coi đó là quyền riêng của Viện kiểm sát. Vì vậy đã không lý giải được vấn đề là khi một số cơ quan khác (Cơ quan điều tra, Tòa án) sử dụng một số biện pháp như khởi tố vụ án, khởi tố bị can... thì có phải các cơ quan này cũng thực hiện quyền công tố hay không?

Một bộ phận khác trong giới luật học khi đề cập đến vấn đề thực hành quyền công tố lại xảy ra hai khuynh hướng. Một là, họ gắn việc thực hành quyền công tố với việc thực hiện những nhiệm vụ khác của Công tố viên trong tố tụng hình sự. Cơ sở lý luận mà họ dựa vào là việc tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố ở nước ngoài, cơ sở pháp lý mà họ đưa ra là các quy định pháp luật hiện hành ở nước ta, nhưng chỉ bó hẹp trong phạm vi truy tố hoặc buộc tội của Viện kiểm sát trước Tòa án (vốn là những nét hoạt động công tố tương đồng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới). Một số khác thì lại mở rộng phạm vi quyền công tố được thực hiện trong mọi giai đoạn tố tụng hình sự bao gồm cả điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án [13, tr.100]. Hai là, họ chỉ nêu ra một số biện pháp pháp lý như: lập cáo trạng và luận tội trước phiên tòa sơ thẩm hình sự và coi đó là thực hành quyền công tố, thậm chí có người còn cho rằng thực hành quyền công tố chỉ là sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm [16, tr.28-38].

Như phân trên đã trình bày, chúng tôi quan niệm quyền công tố là quyền nhân danh quyền lực công thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đây là quyền lực nhà nước, gắn liền với bản chất từng kiêu nhà nước và chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Phạm vi của quyền này bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đối tượng tác động của quyền công tố là tội phạm và người phạm tội. Để bảo đảm thực hiện quyền công tố trong thực tế đấu tranh chống tội phạm thì nhà nước ban hành các văn bản pháp luật, trong đó quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố. Các quyền năng đó được giao cho cơ quan nhà nước nào thực hiện để phát hiện tội phạm và truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với người phạm tội, thì cơ quan ấy được gọi là cơ quan có trách nhiệm thực hành quyền công tố.

Theo nhận thức của chúng tôi, trên mỗi lĩnh vực quyền lực nhà nước cụ thể, nhà nước tổ chức ra một hệ thống các cơ quan nhất định để thực hiện quyền lực đó. Hệ thống các cơ quan này đóng vai trò chính trong sự phối hợp cùng các cơ quan nhà nước khác để thực hiện quyền lực đã được xác định. Ở Việt Nam, căn cứ vào các quy định pháp luật của Nhà nước ta từ năm 1960 đến nay thì Viện kiểm sát nhân dân chính thức là cơ quan được giao chức năng thực hành quyền công tố. “Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế ngành kiểm sát để sử dụng quyền công tố; bắt, giam, tha, điều tra, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, đó chính là việc Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm cho tốt” [14]. Thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố mấy chục năm qua của Viện kiểm sát nhân dân các cấp cho thấy 100% các vụ án hình sự đều do Viện kiểm sát truy tố và thực hiện sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm, đưa ra lời kết luận của mình tại phiên tòa theo các trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Cùng với những hoạt động đó, Viện kiểm sát các cấp còn có trách nhiệm xem xét, bảo đảm cho việc áp dụng, thay thế hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn được hợp lý và hợp pháp, có quyền khởi tố, yêu cầu khởi tố, xem xét việc khởi tố của Cơ quan điều tra và Tòa án. Viện kiểm sát được áp dụng “các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội” (Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

Thực tiễn hoạt động điều tra và xét xử ở nước ta mấy chục năm qua cho thấy, Cơ quan điều tra và Tòa án các cấp cũng thực hiện việc khởi tố vụ án hình sự. Thậm chí số vụ án do Cơ quan điều tra thực hiện việc khởi tố chiếm tới khoảng 96 – 97% số vụ án được khởi tố. Số vụ án mà Viện kiểm sát khởi tố và yêu cầu khởi tố chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với tổng số án mà Cơ quan điều tra khởi tố. Cơ quan điều tra có quyền bắt người phạm tội, điều tra thu thập chứng cứ... Nhưng đây thực chất chỉ là những hoạt động hỗ trợ, phục vụ cho công tác công tố. Trên cơ sở kết quả điều tra, lời luận tội của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên tòa, Tòa án áp dụng pháp luật để quy kết trách nhiệm đối với bị cáo. Bản án kết tội của Tòa án chính là sự chấp nhận lời buộc tội của Viện kiểm sát đối với người phạm tội.

Xuất phát từ chỗ coi quyền công tố là việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với

người phạm tội, có quan điểm cho rằng:

“Thực hành quyền công tố là thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó” [9, tr.48].

Chúng tôi nhận thấy quan niệm như trên về thực hành quyền công tố là hợp lý. Tuy nhiên, để làm rõ hơn khái niệm thực hành quyền công tố cần xuất phát từ những quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố. Theo đó, việc sử dụng những quyền năng này để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội chính là thực hành quyền công tố.

Từ những nội dung được trình bày trên, chúng tôi cho rằng, thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Nội dung này được thể hiện khá cụ thể tại các Điều 13, 17 và Điều 14, 16, 18 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và năm 2014; Điều 112 và 165 Bộ luật hình sự năm 2003 và năm 2015.

#### *1.1.1.3. Phân biệt thực hành quyền công tố với kiểm sát hoạt động tư pháp*

Trước khi có Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, thuật ngữ quyền tư pháp ít được sử dụng trong ngôn ngữ chính trị, pháp luật và khoa học. Điều đó đã không tạo ra được tiền đề cho việc nghiên cứu các vấn đề về tư pháp, trong đó có vấn đề về khái niệm “Kiểm sát các hoạt động tư pháp”. Vì vậy, đến nay vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, kiểm sát các hoạt động tư pháp chỉ bao gồm nội dung kiểm sát các hoạt động tố tụng như điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Quan điểm này phù hợp với tinh thần và nội dung của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 [36, tr.3].

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, kiểm sát các hoạt động tư pháp bao gồm việc kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và phần “tư pháp” trong thi hành án. Loại quan điểm này dựa trên cơ sở những lập luận cho rằng thi hành án là bước tiếp theo của xét xử, nó không phải là hoạt động tư pháp thuần túy mà mang tính chất hành chính – tư pháp. Theo ý kiến này, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động thi hành án với tính cách là một nội dung của hoạt động tư pháp thì chỉ tiến hành kiểm sát phần đầu của giai

đoạn thi hành án, còn phần tác nghiệp cụ thể thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính (Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc ngành công an, Thủ trưởng các cơ quan thi hành án dân sự...) [35, tr.21-22].

Loại ý kiến thứ ba cho rằng, kiểm sát các hoạt động tư pháp bao gồm cả kiểm sát các hoạt động hỗ trợ tư pháp như hoạt động của tổ chức luật sư, các tổ chức giám định tư pháp, các cơ quan công chứng, hộ tịch, lý lịch tư pháp, bởi vì hoạt động này tuy không phải là hoạt động tư pháp thuần túy nhưng đóng vai trò rất quan trọng (nhiều khi có tính chất quyết định trong việc xác định sự thật của vụ án). Nếu không có sự kiểm sát chặt chẽ từ phía Viện kiểm sát thì hiệu quả đóng góp của các cơ quan, tổ chức này sẽ bị hạn chế và sự thật của vụ án nhiều khi không được làm sáng tỏ [35].

Loại ý kiến thứ tư cho rằng, hoạt động tư pháp là một dạng hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước và cũng chịu sự giám sát từ bên ngoài và bên trong hệ thống tư pháp, chịu sự giám sát nhà nước và giám sát xã hội. Theo nghĩa rộng, kiểm sát tư pháp cũng được hiểu là giám sát tư pháp, là một bộ phận, một lĩnh vực của hoạt động giám sát nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Còn theo nghĩa hẹp thì kiểm sát tư pháp được hiểu là chức năng của Viện kiểm sát bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong việc giải quyết các xung đột và tranh chấp pháp luật. Theo ý kiến này, về thẩm quyền, xuất phát từ quan niệm giám sát tư pháp theo nghĩa rộng thì chức năng giám sát (giám sát) tư pháp do Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức, công dân và các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện. Còn xuất phát từ quan niệm giám sát tư pháp theo nghĩa hẹp thì kiểm sát tư pháp duy nhất thuộc về Viện kiểm sát. Phạm vi kiểm sát tư pháp là việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra, xét xử các vụ án hình sự, giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và Điều 4 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014). Mục đích của kiểm sát tư pháp là bảo đảm cho pháp luật được áp dụng thống nhất trong việc giải quyết các vụ án trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định [35].

Theo ý kiến của chúng tôi, trước hết phải khẳng định kiểm sát các hoạt động tư pháp là chức năng hiến định của Viện kiểm sát (Điều 137 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi). Kiểm sát các hoạt động tư pháp là một dạng giám sát nhà nước về tư pháp, đây là

hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, khác với hoạt động giám sát nhà nước nói chung về tư pháp, kiểm sát các hoạt động tư pháp là sự giám sát trực tiếp các hoạt động cụ thể của các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao một số thẩm quyền tư pháp trong quá trình tố tụng. Mục đích của kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự là nhằm bảo đảm cho pháp luật được áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Trong các giai đoạn của tố tụng hình sự, Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng những biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan tư pháp hoặc cán bộ tư pháp nào. Theo quy định của pháp luật hiện hành ở nước ta, hoạt động kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự chỉ do một chủ thể duy nhất tiến hành, đó là Viện kiểm sát. Hoạt động này được thực hiện bởi các Kiểm sát viên là người tiến hành tố tụng trong tố tụng hình sự, trên cơ sở các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát được ghi nhận trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước, do Quốc hội giao cho Viện kiểm sát nhằm bảo đảm pháp chế trong hoạt động tư pháp hình sự.

Trên cơ sở khẳng định bản chất của kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp hình sự là kiểm tra tính hợp pháp trong hành vi của các chủ thể bị kiểm sát, chúng tôi cho rằng, đối tượng của kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp hình sự là hành vi xử sự của các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động tư pháp trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự. Đối tượng của kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra là hành vi xử sự của các Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Khi tiến hành hoạt động kiểm sát, Viện kiểm sát phải dựa trên các căn cứ pháp lý là Hiến pháp, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan để theo dõi, xem xét bảo đảm sự tuân theo pháp luật của các chủ thể bị kiểm sát cũng như để bảo đảm tính hợp pháp của ngay chính các hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát. Đồng thời, trong mối quan hệ giữa Viện kiểm sát cấp trên với Viện kiểm sát cấp dưới không phải là quan hệ “kiểm sát việc tuân theo pháp luật”. Đây chỉ là quan hệ quản lý trong chỉ đạo, điều hành giữa cấp trên và cấp dưới. Vì vậy, Viện kiểm sát cấp trên không thể hiện áp dụng các quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật

đối với Viện kiểm sát cấp dưới như đối với các chủ thể khác.

Đối tượng kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự của Viện kiểm sát chủ yếu tập trung vào hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao thẩm quyền thực hiện một số hoạt động tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự.

Phạm vi của kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự là vấn đề đang còn nhiều tranh luận. Theo ý kiến chúng tôi, về mặt lý luận, phạm vi của quyền công tố bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra, theo đó các cơ quan tư pháp có thẩm quyền có trách nhiệm phát động quyền công tố để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Khi quyền công tố được phát động thì mặc nhiên phát sinh hoạt động tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Do đó, đòi hỏi hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp cũng được bắt đầu tiến hành để bảo đảm các hành vi tố tụng của các chủ thể nói trên tuân thủ pháp luật. Hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp sẽ chấm dứt khi kết thúc các hoạt động tố tụng và mục đích của tố tụng hình sự đã đạt được. Nói cách khác, trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự đều có hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động tư pháp, nhằm bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự.

Từ những nội dung trình bày trên, có thể đưa ra khái niệm chung về kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự như sau: Kiểm sát các hoạt động tư pháp hình sự là chức năng hiến định của Viện kiểm sát, có nội dung giám sát mọi hoạt động của các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động tư pháp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, nhằm bảo đảm cho pháp luật tố tụng hình sự được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, thống nhất. Trong giai đoạn điều tra, kiểm sát các hoạt động tư pháp có nội dung giám sát mọi hoạt động của Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong quá trình điều tra vụ án nhằm bảo đảm cho việc điều tra được tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật.

Nội dung các quyền của Viện kiểm sát trong khi tiến hành hoạt động kiểm sát tư pháp trong giai đoạn điều tra là tất cả những quyền năng pháp lý do luật định mà Viện kiểm sát được sử dụng để phát hiện vi phạm và yêu cầu xử lý vi phạm của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra, nhằm bảo đảm cho pháp luật



được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình điều tra vụ án.

Khi đã làm rõ được thế nào là thực hành quyền công tố, thế nào là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, vấn đề quan trọng là làm thế nào để phân biệt được hai nội dung này trong hoạt động thực tiễn. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Theo Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, ở giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong quá trình điều tra. Đây là hai chức năng độc lập, nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Thực tiễn hoạt động thực hiện chức năng của ngành kiểm sát cho thấy, trên cơ sở các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát các cấp luôn luôn quán triệt quan điểm đấu tranh chống tội phạm gắn liền với đấu tranh chống vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp hình sự, nhằm bảo đảm những hành vi phạm tội đã được phát hiện đều phải được điều tra và xử lý theo pháp luật, bảo đảm cho cuộc đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan tư pháp tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Điều đó thể hiện ở các phương diện sau:

- Khi tội phạm được phát hiện, vụ án được khởi tố điều tra, tức là lúc quyền công tố được phát động thì cũng có nghĩa là Viện kiểm sát bắt đầu tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, như kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra... Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp khi quyền công tố chưa được phát động đã xuất hiện hoạt động kiểm sát, ví dụ kiểm sát khám nghiệm hiện trường của cơ quan điều tra trước khi khởi tố vụ án.

- Khi quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cũng như các quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã trực tiếp thực hành quyền công tố. Đồng thời, Viện kiểm sát còn kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, nghĩa là Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra.

- Khi quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can hoặc quyết định phục hồi điều tra... Viện kiểm sát thực hành quyền công tố.

- Khi quyết định việc truy tố bị can ra Tòa, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, nhưng quyết định truy tố cũng phải đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp, có nghĩa là bản thân Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố cũng phải đặt trong sự tuân thủ pháp luật tố tụng.

Tóm lại, ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, thực hành quyền công tố là những biện pháp mà Viện kiểm sát trực tiếp quyết định (như quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra; quyết định việc truy tố bị can ra Tòa); còn kiểm sát các hoạt động tư pháp là những biện pháp Viện kiểm sát không trực tiếp ra quyết định, mà qua công tác kiểm sát, nếu phát hiện các vi phạm pháp luật của Cơ quan điều tra thì kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục.

Như vậy, những quyền năng pháp lý mà Viện kiểm sát tự quyết định có liên quan đến việc cáo buộc bị can, bị cáo thì đó là những quyền năng thuộc nội dung thực hành quyền công tố. Những quyền năng pháp lý mà Viện kiểm sát sử dụng để phát hiện và yêu cầu xử lý những vi phạm pháp luật của cơ quan, người tiến hành tố tụng là những quyền thuộc chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp. Tuy nhiên giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp luôn đan xen lẫn nhau, quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau, có tác dụng hỗ trợ cho nhau trong suốt quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Mỗi quan hệ này song song tồn tại trong phạm vi bắt đầu từ khi tội phạm được phát hiện khởi tố, điều tra cho đến khi cơ quan điều tra ra kết luận về quá trình điều tra. Trong mỗi quan hệ này đều nhằm đến mục đích chung là bảo đảm việc giải quyết chính xác, đúng đắn vụ án hình sự. Bởi vì, mục đích của hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra là nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội cũng như các hành vi tội phạm của họ. Hoạt động này phải hết sức đầy đủ, chính xác, khách quan theo đúng các trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định. Còn kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra có mục đích bảo đảm các hoạt động điều tra được đúng đắn, đầy đủ, khách quan, tức là được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định.

### ***1.1.2. Các đặc điểm thực hành quyền công tố***

#### ***1.1.2.1. Chủ thể thực hành quyền công tố***

Trong quá trình tổ chức quyền lực nhà nước, trên mỗi lĩnh vực cụ thể, Nhà nước tổ chức ra một hệ thống các cơ quan nhất định để thực hiện quyền lực đó. Hệ thống

các cơ quan nhà nước này đóng vai trò chính trong sự phối hợp cùng các cơ quan nhà nước khác để thực hiện quyền lực đã được xác định. Nhà nước giao cho cơ quan nhà nước nào thực hiện việc phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, thì cơ quan ấy được gọi là cơ quan thực hành quyền công tố hoặc cơ quan công tố.

Căn cứ vào vị trí trong bộ máy nhà nước có thể thấy được sự đa dạng về việc tổ chức thực hiện quyền công tố của các nước trên thế giới. Có những nước mà ở đó Cơ quan công tố/ Viện kiểm sát nằm trong cơ cấu của Bộ Tư pháp (Hoa Kỳ, Pháp, Bỉ, Nhật Bản, Ba Lan, Ru-ma-ni, Hà Lan, Đan Mạch...); có những nước mà ở đó Cơ quan công tố/ Viện kiểm sát nằm trong thành phần của hệ thống tư pháp được đặt tại các Tòa án, nhưng độc lập với Tòa án về chức năng (Tây Ban Nha, Columbia, Bun-ga-ri...); hoặc có những nước mà ở đó Cơ quan công tố/ Viện kiểm sát là một hệ thống riêng biệt, hoặc trực thuộc Quốc hội, hoặc trực thuộc Nguyên thủ quốc gia (Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên, Cu Ba, Việt Nam, Lào...). Tuy về cơ cấu tổ chức, cơ quan được giao thực hành quyền công tố nằm trong hệ thống hành pháp, tư pháp hoặc lập pháp, nhưng về chức năng thì hoàn toàn độc lập.

Ở Việt Nam, căn cứ vào các quy định pháp luật từ năm 1960 đến nay, thì Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan được giao chức năng thực hành quyền công tố. “Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế ngành kiểm sát để sử dụng quyền công tố; bắt, giam, tha, điều tra, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, đó chính là việc Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm cho tốt” [14]. Thực tiễn tổ chức và hoạt động mấy chục năm qua của Viện kiểm sát nhân dân các cấp cho thấy, 100% các vụ án hình sự đều do Viện kiểm sát truy tố và thực hiện sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm, đưa ra lời kết luận của mình tại phiên tòa theo các trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Cùng với những hoạt động đó, Viện kiểm sát các cấp còn có quyền khởi tố, yêu cầu khởi tố, xem xét việc khởi tố của Cơ quan điều tra và Tòa án.

#### *1.1.2.2. Nội dung thực hành quyền công tố*

Nội dung thực hành quyền công tố là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng tổ tụng độc lập để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nhằm bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo đó, nội dung thực

hành quyền công tố bao gồm:

- Khởi tố vụ án, khởi tố bị can là những biện pháp phát động quyền công tố, mở đầu quá trình điều tra xử lý trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Hay nói cách khác là việc nhà nước chính thức công khai trước toàn xã hội có tội phạm xảy ra và bắt đầu triển khai các hoạt động thực hành quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện tội phạm đó. Theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển... Thực tế, việc khởi tố vụ án, bị can chủ yếu do cơ quan điều tra các cấp tiến hành, số vụ án Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố không đáng kể. Tuy vậy, Viện kiểm sát vẫn là cơ quan duy nhất được quyền khởi tố vụ án hình sự một cách độc lập, không chịu sự ràng buộc về mặt cơ chế tố tụng của bất kỳ cơ quan nhà nước nào. Điều đó có nghĩa là, xét đến cùng, việc khởi tố hay không khởi tố vụ án là do cơ quan thực hành quyền công tố quyết định. Nếu các quyết định khởi tố vụ án không có căn cứ, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự thì Viện kiểm sát với tư cách là cơ quan thực hành quyền công tố, có quyền và có trách nhiệm phải hủy bỏ. Trong trường hợp phát hiện tội phạm mà các cơ quan được giao quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án thì Viện kiểm sát có quyền và có trách nhiệm hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án đó và ra quyết định khởi tố vụ án. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát cũng có quyền yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định vụ án, bị can để xử lý trước pháp luật, có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án của cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Đồng thời, Viện kiểm sát cũng có quyền kháng nghị đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ của Tòa án các cấp.

Quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chính thức tuyên bố về mặt pháp lý một người nào đó có dấu hiệu tội phạm và đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, thì quyết định này phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát để xem xét phê chuẩn trong thời

hạn 24 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định khởi tố vụ án. Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố nếu quyết định đó không có căn cứ và trái pháp luật trong thời hạn 3 ngày, kể từ khi nhận được quyết định khởi tố bị can và các tài liệu liên quan đến việc khởi tố.

- Hoạt động thực hành quyền công tố tiếp tục được thực hiện bởi Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự bằng các biện pháp cụ thể sau:

+ Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra; khi cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra.

+ Hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cơ quan điều tra.

+ Quyết định việc truy tố bị can

+ Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án

Vậy, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, *phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi Viện kiểm sát quyết định việc truy tố người phạm tội ra tòa để xét xử hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật.*

Những hoạt động như đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm; tranh luận với người bào chữa và với những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm là thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

#### *1.1.2.3. Các hoạt động thực hành quyền công tố*

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được quy định tại Điều 14 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự, trong đó Điều 12 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định chung về các nhiệm vụ, quyền hạn và cũng là trách nhiệm thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, gồm:

- Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

- Hủy bỏ các quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án trái pháp luật; phê chuẩn hoặc hủy bỏ

quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can trái pháp luật.

- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

- Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam và các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân.

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật.

- Phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện việc điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can.

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

- Khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

- Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam, chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

### ***1.1.3. Vai trò thực hành quyền công tố***

Theo Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong tố tụng hình sự, Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tố tụng, thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy

tố người phạm tội ra trước tòa. Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng... Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội (Điều 23 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, quyết định việc truy tố người phạm tội trước tòa án. Viện kiểm sát giữ vai trò chủ đạo, quyết định trong các hoạt động điều tra vụ án hình sự. Trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát luôn giữ vai trò chủ động tích cực trong việc phối hợp với cơ quan điều tra để tiến hành điều tra vụ án hình sự.

Vai trò chủ đạo, quyết định của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra vụ án hình sự được thể hiện cụ thể hơn, rõ nét hơn và đầy đủ hơn ở các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan này (Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Theo đó, mặc dù cơ quan điều tra trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra là chủ yếu, nhưng nhìn một cách toàn diện và xét đến cùng, Viện kiểm sát là cơ quan có vai trò chủ đạo, quyết định và chịu trách nhiệm đến cùng về toàn bộ quá trình thực hiện quyền công tố.

Vai trò của Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra còn được thể hiện một cách cụ thể hơn qua các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, với tư cách là những người đại diện cho cơ quan công tố trực tiếp tiến hành tố tụng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố với tư cách là người đứng đầu, thực hiện chức năng quản lý, điều hành hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát, Viện trưởng có vai trò rất quan trọng trong hoạt động thực hành quyền công tố. Đặc biệt, khi trực tiếp thực hành quyền công tố đối với các vụ án hình sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện trưởng Viện kiểm sát có quyền và có trách nhiệm quyết định những

vấn đề quan trọng nhất đối với việc giải quyết vụ án. Chẳng hạn: quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án, khởi tố bị can; yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra; hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cơ quan điều tra; quyết định việc truy tố bị can; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án...

Với nội dung trình bày trên đây cho thấy, *Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tố tụng có vai trò chủ đạo và quyết định trong các hoạt động tố tụng ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự.*

## **1.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu**

### ***1.2.1. Giai đoạn điều tra vụ án đối với các tội xâm phạm sở hữu***

- Các tội xâm phạm sở hữu là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến quan hệ sở hữu của cơ quan, tổ chức và của công dân.

Về các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm quyền sở hữu gồm khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan và chủ thể.

Khách thể của các tội xâm phạm quyền sở hữu là quyền sở hữu đối với tài sản, làm thiệt hại cho quyền chiếm hữu, quyền sử dụng hoặc quyền định đoạt tài sản. Những tài sản thuộc quyền sở hữu bao gồm: tài sản thuộc sở hữu nhà nước, tài sản thuộc sở hữu tập thể, tài sản đang tạm thời thuộc quyền quản lý của nhà nước, xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã, tài sản công dân thuộc thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác. Mọi tài sản đều thể hiện dưới dạng vật, tiền, giấy tờ có giá trị tài sản.

Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu thể hiện bằng các hành vi sau đây:

+ Hành vi chiếm đoạt tài sản: là hành vi chuyển dịch vị trí pháp lý của tài sản trái pháp luật, chuyển dịch quyền sở hữu hợp pháp của chủ thể sang chủ thể khác không đúng pháp luật. Hành vi chiếm đoạt được thực hiện bằng nhiều phương pháp, thủ đoạn



khác nhau nhưng tất cả mọi hành vi chiếm đoạt đều thực hiện bằng phương pháp chủ động tích cực, biến tài sản của người khác thành tài sản của mình.

+ Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản: là hành vi chiếm tài sản của chủ thể đã mất khả năng thực tế quản lý tài sản.

+ Hành vi sử dụng trái phép tài sản: là trường hợp xâm phạm quyền sử dụng tài sản một cách trái phép, khai thác giá trị sử dụng của tài sản mà không được phép của chủ tài sản.

+ Hành vi hủy hoại, làm hư hỏng tài sản, làm mất một phần hoặc toàn bộ giá trị tài sản.

Dấu hiệu hậu quả tác hại trong yếu tố khách quan của các tội xâm phạm tài sản là mức độ thiệt hại nguy hại quy ra tiền. Để định tội cần chú ý coi trọng những quy định về giá trị tài sản bị gây thiệt hại, bị chiếm đoạt.

Mặt chủ quan các tội xâm phạm quyền sở hữu: phần lớn các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu tài sản được thực hiện do hình thức lỗi cố ý, có một số tội được thực hiện do vô ý, như: tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và tội cố ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Chủ thể của các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi theo quy định chung.

Các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản được quy định tại Chương XIV của Bộ luật hình sự bao gồm mười ba tội được quy định từ Điều 133 đến Điều 145 và được phân thành ba nhóm tội: 1/ Nhóm các tội có tính chất chiếm đoạt bao gồm các tội quy định từ Điều 133 đến Điều 140; 2/ Nhóm các tội tư lợi không có tính chất chiếm đoạt bao gồm tội quy định tại Điều 141 và 142; 3/ Nhóm các tội gây thiệt hại về tài sản bao gồm các tội quy định từ Điều 143 đến Điều 145.

- Giai đoạn điều tra vụ án hình sự về tội xâm phạm sở hữu: là giai đoạn tố tụng hình sự thứ hai mà trong đó cơ quan điều tra căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và dưới sự kiểm sát của Viện kiểm sát để tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án hình sự, phát hiện nhanh chóng và đầy đủ tội phạm, cũng như những người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất do tội phạm gây ra và trên cơ sở đó quyết định: Đình chỉ

điều tra vụ án hình sự hoặc là chuyển toàn bộ các tài liệu của vụ án đó cho Viện kiểm sát kèm theo kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can. Như vậy, có thể nói thời điểm bắt đầu của giai đoạn điều tra là từ khi cơ quan (người) tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và thời điểm kết thúc giai đoạn điều tra là bản kết luận điều tra và quyết định của Cơ quan Điều tra về việc đề nghị Viện kiểm sát truy tố bị can trước Tòa án hoặc là ra quyết định đình chỉ vụ án hình sự.

Điều tra tội phạm là hoạt động hành chính – tư pháp, do các chủ thể thuộc hệ thống hành pháp thực hiện. Đó là một loạt các cơ quan khác nhau với nhiều tên gọi khác nhau, để cho thuận tiện, người ta dùng chung khái niệm: Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự, được quy định tại Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự và được cụ thể hóa ở Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự. Điều tra vụ án hình sự về tội phạm xâm phạm sở hữu là hoạt động của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo luật định, được tiến hành theo trình tự, thủ tục của luật tố tụng hình sự đối với những vụ án xâm phạm sở hữu đã xảy ra, đã được khởi tố nhằm mục đích chứng minh sự thật khách quan của vụ án theo yêu cầu của pháp luật.

Như vậy, đối tượng của hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu là những vụ án hình sự về các tội xâm phạm sở hữu đã xảy ra, đã được khởi tố. Mà chủ thể của hoạt động điều tra vụ án hình sự về tội xâm phạm sở hữu là Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định về phân công, phân cấp điều tra. Hoạt động điều tra được tiến hành theo trình tự, thủ tục của luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra, chủ thể điều tra được áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để làm rõ sự thật của vụ án. Bản chất của hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu là quá trình nhận thức, chứng minh sự thật khách quan của vụ án xâm phạm sở hữu đã xảy ra theo yêu cầu của pháp luật.

Nhiệm vụ và các hoạt động điều tra được quy định ở Điều 111 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Khi phát hiện những hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực quản lý của mình thì Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền:

+ Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, thì ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can,

tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

+ Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, ngoài các Cơ quan điều tra quy định tại Điều 110 của Bộ luật này, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm, thì có quyền khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Khi tiến hành hoạt động điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong phạm vi thẩm quyền tổ tụng của mình phải thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục tổ tụng đối với hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của các cơ quan này.

### ***1.2.2. Đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu***

- Các hoạt động điều tra do Cơ quan điều tra thực hiện và các cơ quan khác được giao thực hiện một số nhiệm vụ điều tra. Viện kiểm sát không trực tiếp điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu. Viện kiểm sát chỉ thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu. Theo quy định, thực hành quyền công tố là chức năng hiến định của Viện kiểm sát trong việc thực thi quyền lực nhà nước để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát là chủ thể duy nhất được giao nhiệm vụ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, nên Viện kiểm sát phải được trao đầy đủ quyền năng và thực hiện triệt để quyền năng của mình để bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Hoạt động thực hành quyền công tố có đặc điểm khác với hoạt động kiểm sát điều tra. Tuy có cùng một chủ thể tiến hành là Viện kiểm sát nhưng thực hành quyền công tố có đối

tượng là tội phạm và người phạm tội; Viện kiểm sát trực tiếp ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc buộc tội. Vì thế, khi thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát có quyền và có trách nhiệm như việc chỉ đạo điều tra, đề ra yêu cầu điều tra, phê chuẩn hoặc không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra hoặc tự mình ban hành các quyết định. Các quyết định của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố có ý nghĩa quyết định đến vụ án và người phạm tội.

- Đối tượng chứng minh trong các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu ngoài những đặc điểm chung giống như các vụ án khác, tội xâm phạm sở hữu còn có những đặc điểm riêng như: phần lớn đối tượng của những vụ án xâm phạm sở hữu là nam giới, có nhiều tiền án, tiền sự và là đối tượng côn đồ, lưu manh và thường tham gia vào các hoạt động tệ nạn như nghiện ma túy, cờ bạc, bảo kê gái mại dâm, các nhà hàng... Ngoài ra để chứng minh về các tội xâm phạm sở hữu cần phải đánh giá và chứng minh tài sản bị xâm hại như: làm rõ số lượng, chủng loại, giá trị, đặc điểm, nguồn gốc của những tài sản bị chiếm đoạt là căn cứ để xác định có tội xâm phạm sở hữu xảy ra hay không, mức độ thiệt hại và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Những tài liệu phản ánh về những tài sản bị chiếm đoạt có thể thu thập được thông qua các biện pháp lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng, khám xét, hỏi cung bị can... những nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng trong định tội danh và áp dụng hình phạt. Đối với một số tội, giá trị tài sản bị thiệt hại còn là căn cứ để phân biệt tội phạm với hành vi vi phạm, như: công nhiên chiếm đoạt tài sản; trộm cắp tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; chiếm giữ trái phép tài sản; sử dụng trái phép tài sản; hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, nếu chưa đến mức quy định của Bộ luật hình sự thì chưa bị coi là tội phạm. Cho nên, vấn đề xác định giá trị tài sản bị xâm hại luôn được quan tâm hàng đầu và có ý nghĩa quan trọng. Bên cạnh đó, việc định giá tài sản còn là căn cứ để xác định mức bồi thường cho người bị thiệt hại.

- Một số tội xâm phạm sở hữu có dấu hiệu tương đối giống nhau, dễ nhầm lẫn như: tội cướp tài sản với tội cưỡng đoạt tài sản; tội cướp giết tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... Vì vậy, trong quá trình thực hành quyền công tố đối với các vụ án về tội xâm phạm sở hữu nêu trên cần phải nhận thức đúng các đặc điểm pháp lý của tội

phạm, phân tích những điểm giống và khác nhau là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng. Có phân tích đúng căn cứ pháp lý về các tội phạm xâm phạm sở hữu thì khi tiến hành tố tụng mới định tội danh đúng với hành vi phạm tội của các đối tượng và trong quá trình giải quyết xác định đúng phương hướng, phân biệt chính xác hành vi để tiến hành khởi tố, kết luận điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

- Đối với các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu, hầu như bao giờ cũng đặt ra việc bồi thường thiệt hại. Bởi vì, trên thực tế các vụ án xâm phạm sở hữu như: cướp tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; cưỡng đoạt tài sản; cướp giật tài sản; công nhiên chiếm đoạt tài sản; trộm cắp tài sản. v. v.. sau khi họ thực hiện hành vi và tẩu thoát được thì họ sử dụng những tài sản đó để sử dụng vào mục đích cá nhân, nếu phát hiện sớm, kịp thời thì còn có thể thu hồi được phần nào tài sản mà tài sản đó còn là nguồn chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng sau này và làm cơ sở để bồi thường cho bị hại. Bên cạnh đó, đối với những vụ án về các tội xâm phạm sở hữu như vậy các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải xem xét những đối tượng phạm tội mà chúng có tài sản thì cũng cần thiết phải áp dụng chế tài hoặc các biện pháp bảo đảm bồi thường như kê biên tài sản theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự.

### ***1.2.3. Các hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu***

Trên cơ sở lý luận chung và căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, các văn bản hướng dẫn thì hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu được tiến hành theo những bước sau:

Việc thụ lý, nghiên cứu, xem xét, đánh giá đúng, chính xác các tình tiết, chứng cứ, điều kiện, hoàn cảnh có liên quan đến sự kiện pháp lý, đối tượng và quyết định xử lý do cơ quan điều tra cung cấp. Đây là khâu đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân. Việc Viện kiểm sát nhân dân xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng do cơ quan điều tra tiến hành trong các vụ án hình sự, nhằm xác định tính có căn cứ, qua đó xác định tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã gây ra: có hay không có hành vi phạm tội? Hành vi

đó ở mức độ nào? Xảy ra ở đâu? Khi nào? Ai là người thực hiện? Công cụ phương tiện phạm tội? Nhân thân? Năng lực chịu trách nhiệm hình sự? Hậu quả của tội phạm gây ra? Trình tự, thủ tục thu thập tài liệu chứng cứ ... trong quá trình xem xét, nghiên cứu, đánh giá Viện kiểm sát phải tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình nghiên cứu, xem xét đánh giá chứng cứ cần lưu ý một số vấn đề sau:

*Đối với việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định quyết định khởi tố bị can:*

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, khi ra quyết định khởi tố bị can, cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố bị can cho Viện kiểm sát để xét phê chuẩn; khi tiến hành điều tra, nếu thấy có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố hoặc còn có hành vi phạm tội khác thì cơ quan điều tra ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố bị can cho Viện kiểm sát để xét phê chuẩn. Nếu thấy quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra có căn cứ và hợp pháp, Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Nếu thấy quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra không có căn cứ, Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Trong trường hợp này, quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra bị mất hiệu lực.

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu, khi có căn cứ xác định còn có người khác thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án, nhưng cơ quan điều tra không khởi tố, hoặc hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can, hoặc ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Trong trường hợp cơ quan điều tra đã kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát, sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra mà Viện kiểm sát phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố bị can và gửi quyết định khởi tố bị can cho cơ quan điều tra tiến hành điều tra bổ sung.

*Áp dụng pháp luật để truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án:*

Sau khi kết thúc điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước tòa án. Đây là một nguyên tắc của tố tụng hình sự được quy định tại Điều 23 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Khi hồ sơ vụ án được chuyển đến Viện kiểm sát, Kiểm sát viên phải kiểm tra ngay hồ sơ vụ án, hồ sơ vụ án phải bảo đảm đầy đủ các thủ tục tố tụng như về bút lục, biên bản tổng đạt các lệnh và quyết định... Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên tiến hành nghiên cứu hồ sơ, tập trung vào nghiên cứu các vấn đề: Các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, định khung hình phạt đã đầy đủ chưa? Trình tự thủ tục thu thập chứng cứ có đúng theo quy định của pháp luật không? Lời khai của các nhân chứng cũng như của các đối tượng liên quan có gì mâu thuẫn không? Trong vụ án còn có đối tượng đồng phạm không? Lời khai của bị can có gì mâu thuẫn không, có mâu thuẫn với các lời khai của các đối tượng khác không? Nếu các lời khai còn mâu thuẫn, chứng cứ còn yếu hoặc còn mâu thuẫn thì Kiểm sát viên có thể tự bổ sung bằng các biện pháp nghiệp vụ như: phúc cung bị can, lấy lời khai nhân chứng, đối chất... Trong thời hạn pháp luật quy định, Kiểm sát viên phải báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện quyết định một trong các hình thức xử lý sau:

- Nếu có đủ căn cứ để truy tố, Viện kiểm sát lập bản cáo trạng truy tố bị can ra trước tòa án.

- Nếu thấy hồ sơ vụ án thiếu những chứng cứ quan trọng mà Viện kiểm sát không thể tự mình bổ sung được hoặc có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác hoặc có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

- Nếu có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hoặc Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự 1999, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án.

- Nếu có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án.

### **Kết luận Chương 1**

Quyền công tố xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước. Quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người

phạm tội. Theo quy định pháp luật Việt Nam, quyền công tố được Nhà nước giao cho một chủ thể duy nhất là Viện kiểm sát. Trong mỗi giai đoạn tố tụng Nhà nước giao cho Viện kiểm sát những quyền năng pháp lý nhất định gắn với giai đoạn tố tụng đó. Theo đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố được pháp luật quy định trong giai đoạn điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án, kéo dài trong suốt giai đoạn điều tra vụ án hình sự và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.

Đối tượng của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là cái mà Viện kiểm sát khi sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố trong giai đoạn điều tra tác động vào nhằm đạt được mục đích cụ thể nào đó. Do đó, đối tượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu chỉ là tội phạm và người phạm tội xâm phạm sở hữu theo quy định pháp luật hình sự. Đồng thời, phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc (Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra). Ngoài ra, đặc điểm của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu mang đặc trưng của thực hành quyền công tố vừa mang đặc điểm của giai đoạn tố tụng cụ thể, loại tội phạm cụ thể.

Chức năng thực hành quyền công tố được quy định lần đầu tiên trong Hiệp pháp và Luật với tư cách là một chức năng độc lập của Viện kiểm sát bên cạnh chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp từ năm 1980. Kể từ đây, quan niệm về hai chức năng này của Viện kiểm sát đã trở nên rõ ràng hơn trong nghiên cứu khoa học pháp lý và ở phương diện tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, chức năng thực hành quyền công tố nói chung và đặc biệt là thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chưa được chú trọng như yêu cầu của nó. Trên cơ sở tiếp thu Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, hiện nay những quyền năng pháp lý thuộc chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 một cách rõ ràng, rạch ròi. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để ngành kiểm sát nhân dân thực tốt chức năng nhiệm vụ trong khâu công tác này trong thời gian đến.



## CHƯƠNG 2

### THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU Ở TỈNH GIA LAI

#### **2.1. Một số tình hình liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

##### ***2.1.1. Tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai (2011-2015)***

Nghiên cứu tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2011 đến năm 2015 cho thấy:

- Năm 2011, Các cơ quan chức năng đã khởi tố về tội cướp tài sản là 60 vụ/ 179 bị can, tội cưỡng đoạt tài sản là 06 vụ/ 06 bị can, tội cướp giật tài sản là 46 vụ/ 77 bị can, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là 06 vụ/ 07 bị can, tội trộm cắp tài sản là 386 vụ/ 643 bị can, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 25 vụ/ 30 bị can, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 17 vụ/ 19 bị can, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là 54 vụ/ 82 bị can. Tổng 600 vụ/ 1.043 bị can.

- Năm 2012, Các cơ quan chức năng đã khởi tố về tội cướp tài sản là 62 vụ/ 152 bị can, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là 02 vụ/ 03 bị can, tội cưỡng đoạt tài sản là 09 vụ/ 21 bị can, tội cướp giật tài sản là 35 vụ/ 63 bị can, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là 07 vụ/ 09 bị can, tội trộm cắp tài sản là 413 vụ/ 665 bị can, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 28 vụ/ 29 bị can, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 15 vụ/ 17 bị can, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là 49 vụ/ 87 bị can. Tổng 620 vụ/ 1.046 bị can.

- Năm 2013, Các cơ quan chức năng đã khởi tố về tội cướp tài sản là 56 vụ/ 117 bị can, tội cưỡng đoạt tài sản là 12 vụ/ 31 bị can, tội cướp giật tài sản là 35 vụ/ 56 bị can, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là 01 vụ/ 03 bị can, tội trộm cắp tài sản là 459 vụ/ 551 bị can, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 34 vụ/ 35 bị can, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 16 vụ/ 17 bị can, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là 62 vụ/ 93 bị can. Tổng 675 vụ/ 903 bị can.

- Năm 2014, Các cơ quan chức năng đã khởi tố về tội cướp tài sản là 60 vụ/ 115

bị can, tội cưỡng đoạt tài sản là 12 vụ/ 30 bị can, tội cướp giật tài sản là 44 vụ/ 42 bị can, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là 02 vụ/ 02 bị can, tội trộm cắp tài sản là 533 vụ/ 728 bị can, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 50 vụ/ 53 bị can, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 26 vụ/ 26 bị can, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là 63 vụ/ 88 bị can. Tổng 790 vụ/ 1.084 bị can.

- Năm 2015, Các cơ quan chức năng đã khởi tố về tội cướp tài sản là 58 vụ/ 150 bị can, tội cưỡng đoạt tài sản là 15 vụ/ 61 bị can, tội cướp giật tài sản là 61 vụ/ 63 bị can, tội trộm cắp tài sản là 590 vụ/ 764 bị can, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 32 vụ/ 37 bị can, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 16 vụ/ 18 bị can, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là 54 vụ/ 63 bị can. Tổng 826 vụ/ 1.156 bị can.

Qua kết quả khảo sát, phân tích trên đây cho thấy xu thế tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên địa bàn tỉnh Gia Lai ngày một gia tăng cả về số vụ phạm tội và số đối tượng gây án. Về tính chất tội phạm, phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm cũng ngày càng phức tạp, tinh vi xảo quyệt và hoạt động ngày một liều lĩnh, mức độ ngày càng nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Qua phân tích, tổng hợp, đánh giá cho thấy trong số các đối tượng bị bắt giữ, xử lý là số đối tượng đã có tiền án, tiền sự chiếm khoảng 41%, đây là số đối tượng nằm trong sự quản lý giáo dục của lực lượng công an và chính quyền cơ sở, với tỉ lệ tái phạm như trên cho thấy công tác quản lý giáo dục đối tượng còn hạn chế, mặt khác chính vì điều này đã gây khó khăn nhất định cho công tác điều tra, truy tố. Đáng chú ý là số đối tượng phạm tội là nhân dân lao động, cán bộ công nhân viên chức chiếm tỷ lệ 25,65%, số không có nghề nghiệp chiếm tỷ lệ 48,57%..., Trong đó độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi phạm tội chiếm tỷ lệ 61,76%, điều này phản ánh ở những vùng nông thôn hiện nay số người trong độ tuổi lao động, tuy có việc làm nhưng thu nhập thấp hoặc việc làm không thường xuyên, bên cạnh đó do bị ảnh hưởng của mặt trái của nền kinh tế thị trường, bị tác động của cuộc sống đô thị đang diễn ra nhanh, ảnh hưởng của lối sống thực dụng, văn hoá ngoài luồng; cho nên số đối tượng trong diện trên là không làm chủ được mình dẫn đến phạm tội. Kết quả khảo sát ở góc độ này cũng phản ánh về tình trạng tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra ở Gia Lai do số đối tượng hoạt động không mang tính chuyên nghiệp gây ra là chủ yếu.

### **2.1.2. Tổ chức, bộ máy hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai**

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trong những năm qua đã cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh có nhiều đóng góp vào việc đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh Gia Lai.

Theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trực thuộc và chịu sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao; cơ cấu tổ chức gồm 17 Viện kiểm sát các huyện, thị xã, thành phố và 10 phòng trực thuộc Viện kiểm sát tỉnh. Ngành kiểm sát tỉnh Gia Lai hiện đang có 203 biên chế (Biên chế là 185, hợp đồng là 18), Cấp tỉnh có 52 cán bộ, cấp huyện có 151 cán bộ. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 164/185 cán bộ có trình độ Đại học, chiếm 88,6% và 21/185 có trình độ cao đẳng, trung cấp, chiếm tỉ lệ 11,4%.

Ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có 03 phòng thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; các phòng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Đối với các phòng thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự mỗi phòng có từ 4 đến 7 đồng chí, ở cấp huyện có bộ phận kiểm sát án hình sự có từ 3 đến 5 đồng chí, bộ phận hình sự do một đồng chí Phó Viện trưởng trực tiếp phụ trách và chịu sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp đó.

Thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong những năm qua, được sự quan tâm của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, của cấp uỷ địa phương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, Kiểm sát viên. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ mới, lực lượng Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, trình độ, năng lực của kiểm sát viên còn nhiều hẫng hụt, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, tin học, ngoại ngữ còn nhiều bất cập...

- Qua sự thống kê về nhân sự trong Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai cho thấy: cơ cấu tổ chức bộ máy thiếu đồng bộ, thống nhất và không phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị, từng địa phương, một số đơn vị lực lượng biên chế quá mỏng, dàn

trải; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành ở một số đơn vị Viện kiểm sát huyện, thị xã, thành phố thiếu tập trung, thống nhất, hiệu quả công tác chưa được cao.

- Thực hiện cải cách tư pháp, theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW và Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị cho thấy bộc lộ về sự yếu kém, một số cán bộ, Kiểm sát viên không làm được việc, bất cập về trình độ chuyên môn. Trong khi đó trình độ Điều tra viên cấp tỉnh thường là cử nhân, nhiều đồng chí có trình độ thạc sĩ luật. Nhưng Kiểm sát viên Viện kiểm sát kiểm sát các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì trình độ còn thấp, chưa tương thích, nên rất khó khăn trong sự kết hợp làm việc. Đây là điểm hạn chế rất lớn của lực lượng cán bộ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai.

- Số lượng cán bộ, Kiểm sát viên chưa đáp ứng được với yêu cầu khối lượng công việc hiện nay, nhất là đối với Viện kiểm sát cấp huyện, trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa đồng đều, chưa ngang tầm với nhiệm vụ được phân công. Số lượng cán bộ, Kiểm sát viên cao tuổi chiếm tỷ lệ cao, ở số này chủ yếu làm việc theo thói quen và kinh nghiệm, không được đào tạo cơ bản, số cán bộ, Kiểm sát viên trẻ mới ra trường cũng nhiều, hăng hái, nhưng chưa nhiều kinh nghiệm, chưa được đào tạo về nghiệp vụ công tác, chưa có nhiều kỹ năng trong công việc giải quyết án, do đó đã hạn chế rất lớn đến hiệu quả và chất lượng của công việc.

- Một số đơn vị Viện kiểm sát cấp huyện, thị xã, thành phố biên chế quá ít (dưới 10 người) trong khi đó họ phải làm nhiều phân công việc, do đó lực lượng bị dàn mỏng, nên không tập trung làm tốt công tác chuyên môn được. Nhiều đơn vị địa phương lực lượng Kiểm sát viên quá mỏng nên không thể tham gia đầy đủ các hoạt động của Cơ quan điều tra, việc này cũng ảnh hưởng đến chất lượng Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2.2. Thực tiễn các hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở tỉnh Gia Lai**

### **2.2.1. Những kết quả đã đạt được**

#### **2.2.1.1. Trong việc phê chuẩn, huỷ bỏ, ban hành các quyết định tố tụng**

Trong những năm qua, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có nhiều tiến bộ đáng kể. Mặc dù số lượng vụ án hình sự xảy ra đối với nhóm tội này qua các năm

theo chiều hướng năm sau cao hơn năm trước, đồng thời, tính chất phức tạp, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm các tội này cũng tăng dần, nhưng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vẫn đạt kết quả tốt. Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai thì từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, Cơ quan điều tra hai cấp đã thụ lý giải quyết 3.511 vụ/ 5.230 bị can. Trong đó, năm 2011 các Cơ quan điều tra thụ lý 600 vụ/ 1.043 bị can; sang năm 2012, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu với chiều hướng gia tăng, theo đó Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết 620 vụ/ 1.046 bị can, tiếp đến năm 2014, 2015, lần lượt số vụ án, bị can là 790 vụ/ 1.084 bị can và 826 vụ/ 1.154 bị can [Biểu 1]. Để việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người phạm tội đảm bảo có đủ căn cứ, đúng pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn luật định trong giai đoạn điều tra một cách tích cực, chủ động.

- Về công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và phê chuẩn của Viện kiểm sát hai cấp đã thực hiện tốt quyền năng phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác như Lệnh bắt người để tạm giam; quyết định gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam hay việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can sau khi đã khởi tố phần lớn đều được Viện kiểm sát phê chuẩn, bởi vì các biện pháp này về cơ bản được áp dụng khi đã xác định được người thực hiện hành vi phạm tội cũng những tình tiết liên quan đến vụ án, bị can mà Cơ quan điều tra xét thấy cần phải áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này thì quyết định phê chuẩn Lệnh của Viện kiểm sát có giá trị hiệu lực đối với các biện pháp ngăn chặn được áp dụng, do đó Cơ quan điều tra thường trao đổi trước với Viện kiểm sát đối việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này. Do vậy, so với việc không phê chuẩn lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với tội phạm xâm phạm sở hữu thì việc không phê chuẩn đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn này đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu chiếm số lượng ít hơn. Về thẩm quyền hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, các quyết định tố tụng không có căn cứ của Cơ quan điều tra theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai đã ra quyết định hủy bỏ 45 quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra và những người có thẩm quyền ra quyết định này [Biểu 3].

- Về công tác phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra và công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở các đơn vị Viện kiểm sát trong tỉnh Gia Lai đã được kiểm sát chặt chẽ ngay từ đầu, đã trực tiếp khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố một số vụ án và bị can đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu và đa số đều được Cơ quan điều tra chấp nhận. Ngoài ra, khi thực hành quyền công tố trong hoạt động phê chuẩn quyết định khởi tố bị can theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai luôn kiểm tra các tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ đề nghị phê chuẩn để xem xét tính có căn cứ, đúng pháp luật của các quyết định này để ban hành quyết định tố tụng của mình. Qua kiểm tra, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai đã phát hiện một số quyết định khởi tố bị can đề nghị phê chuẩn không có căn cứ, nên đã yêu cầu Cơ quan điều tra rút quyết định khởi tố bị can hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can [Biểu 2]. Trong kì thống kê, đã có 20 quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu; ra quyết định hủy 14 quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra. Qua thực tiễn thực hành quyền công tố nhận thấy, các quyết định tố tụng thực hành quyền công tố nêu trên của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai đều đúng pháp luật.

Đây là thành tựu đáng ghi nhận trong công tác phê chuẩn, hủy bỏ, ban hành các quyết định tố tụng của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai trong thời gian qua.

#### *2.2.1.2. Trong việc giám sát và thực hiện các biện pháp điều tra*

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát ngay từ khi xác định có tin báo tội phạm xảy ra và phân công Kiểm sát viên kiểm sát giải quyết tin báo đó cho đến khi Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ chứng cứ để đề nghị Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can. Những trường hợp đề nghị phê chuẩn của Cơ quan điều tra như vậy nếu xét thấy chưa đảm bảo và chưa đủ chứng cứ thì Viện kiểm sát thường yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ hoặc bổ sung chứng cứ làm cơ sở cho việc xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can cho đảm bảo căn cứ theo quy định. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn thực hiện quyền đề ra yêu cầu điều tra: Khi thực hành quyền công tố trong việc thu thập chứng cứ, trên tinh thần tích cực, chủ động của các Kiểm sát viên được phân công nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, Viện kiểm sát nhân

dân hai cấp yêu cầu Kiểm sát viên tăng cường gắn công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra ngay từ đầu để bảo đảm hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và cả trong một số hoạt động điều tra được tiến hành trước khi khởi tố vụ án. Thực tế, trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, khi nhận quyết định khởi tố vụ án, Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối vụ án, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều yêu cầu Cơ quan điều tra, cụ thể là Điều tra viên điều tra làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm đối với hành vi phạm tội của bị can, yêu cầu xem xét các yếu tố loại trừ yếu tố lỗi của bị can, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với họ. Trong mối quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan tố tụng từ thực tiễn tỉnh Gia Lai cho thấy các Kiểm sát viên thường xuyên yêu cầu điều tra trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra như khám nghiệm hiện trường, khám xét... bằng hình thức trực tiếp thông qua việc phối hợp tham gia cùng Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra này. Ngoài ra, đối với yêu cầu điều tra bằng văn bản thường được lãnh đạo Viện kiểm sát ban hành trong trường hợp yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên không được Điều tra viên chấp hành hoặc trường hợp, những vấn đề cần điều tra làm rõ có ý nghĩa quan trọng đối với xác định có hay không hành vi phạm tội, các yếu tố cấu thành tội phạm ... Cho đến nay, theo thống kê cụ thể về bản yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra đối với các vụ án xâm phạm sở hữu có 100% số vụ án được khởi tố, điều tra Viện kiểm sát nhân dân hai cấp có yêu cầu điều tra.

Đối với quyền năng tiến hành một số hoạt động điều tra: Theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát tiến hành điều tra trong trường hợp xét thấy cần thiết như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, nguyên đơn dân sự... nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, làm căn cứ để ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền. Hoạt động trực tiếp điều tra vụ án của Viện kiểm sát đối với các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai chỉ mang tính chất thẩm tra lại các chứng cứ, tài liệu của vụ án làm cơ sở xem xét phê chuẩn các quyết định, lệnh theo đề nghị của Cơ quan điều tra. Thực tế cho thấy, ở những địa phương, đơn vị có số vụ án bình quân trên mỗi Kiểm sát viên thấp, thì Kiểm sát viên thường tích cực trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để có cơ sở phê chuẩn các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra, ngược lại ở các địa phương có số lượng án thụ lý trên mỗi Kiểm sát viên

hàng năm cao thì hoạt động trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hạn chế hơn.

### *2.2.1.3. Trong xử lý kết quả điều tra của cơ quan điều tra*

Với những nội dung trên cho thấy, trong những năm qua, chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Gia Lai từng bước được nâng cao, góp phần trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đảm bảo mọi hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu của người dân đều được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, tạo nên môi trường xã hội an ninh, ổn định. Cụ thể trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, Cơ quan điều tra đã thụ lý 3.511 vụ/ 5.230 bị can. Trong đó, số vụ đã giải quyết gồm: số vụ án kết thúc điều tra đề nghị truy tố 3.503 vụ/ 5.219 bị can chiếm tỷ lệ 99,7% số án đã giải quyết; số vụ án đình chỉ điều tra là 08 vụ/ 11 bị can chiếm 0,3% số án đã giải quyết [Biểu 1]. Những phân tích trên cho thấy, kết quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, đó được xem là những ưu điểm và kết quả đạt được là cơ bản cần được khẳng định. Đạt được kết quả nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó không thể không kể đến việc Đảng, Nhà nước ta ngày càng quan tâm nhiều hơn đến công tác tư pháp, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra và kết quả đó đã góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong xã hội.

### **2.2.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân**

#### *2.2.2.1. Những bất cập, hạn chế*

Hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trong thời gian qua còn bộc lộ những bất cập, hạn chế sau:

- Là cơ quan được pháp luật giao quyền hạn, trách nhiệm quyết định và kiểm sát việc khởi tố, bảo đảm cho việc khởi tố đúng pháp luật, có căn cứ nhưng vẫn còn một số đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, đơn vị thuộc cấp tỉnh chưa nhận thức đầy đủ vai trò quyền hạn và trách nhiệm này. Quá trình kiểm sát có lúc, có nơi thực hiện các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố vụ án,



bị can hoặc để hủy bỏ các quyết định khởi tố không có căn cứ, trái pháp luật của Cơ quan điều tra chưa được Viện kiểm sát hai cấp thực hiện một cách có hiệu quả, thiếu kiên quyết. Thực tế, theo báo cáo và thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai từ năm 2011 đến năm 2015 số vụ án, bị can Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra vẫn còn xảy ra; số vụ án Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố để điều tra chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Trên thực tế, nhiều Viện kiểm sát cấp huyện do chưa có biện pháp nắm, quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm có hiệu quả, mặc dù đã mở hòm thư tố giác và công khai số điện thoại cho nhân dân biết. Vì vậy, trong nhiều năm liền có đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện không trực tiếp khởi tố được vụ án nào. Trong khi đó, vẫn còn không ít vụ án xảy ra nhưng không được phát hiện xử lý kịp thời để khởi tố điều tra hoặc Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án nhưng Viện kiểm sát không nắm được để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố. Những thiếu sót trên đã phần nào làm giảm lòng tin của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Gia Lai nói riêng.

- Về công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và phê chuẩn của Viện kiểm sát hai cấp mặc đã có nhiều cố gắng, hiệu quả công tác kiểm sát được nâng lên, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu của cải cách tư pháp. Thực tế vẫn còn những hạn chế, tồn tại như: vẫn còn để xảy ra một số trường hợp tạm giữ theo thủ tục hình sự nhưng sau đó lại xử lý hành chính. Nếu không được khắc phục kịp thời cũng sẽ dẫn đến việc bắt, giữ, giam oan, sai hoặc không bắt giữ, giam dẫn đến đối tượng trốn phải tạm đình chỉ điều tra. Vẫn còn để xảy ra trường hợp bắt khẩn cấp sau đó phải trả tự do xử lý hành chính, vì không đủ căn cứ để khởi tố hình sự. Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai Từ năm 2011 đến năm 2015 các cơ quan tố tụng của tỉnh Gia Lai đã bắt, tạm giữ 1.182 trường hợp. Qua phân loại xử lý khởi tố hình sự 1.137 trường hợp. Qua nghiên cứu cho thấy, các trường hợp bắt khẩn cấp sau không đủ căn cứ để khởi tố hình sự, phải xử lý hành chính còn tồn tại ở cả cấp tỉnh và cấp huyện, những tồn tại này là do nhận thức chưa đúng về điểm b và c Điều 81 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 của Cơ quan điều tra, quá trình xem xét phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát đã không kịp thời phát hiện để từ chối phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp vì nhiều lý do khác nhau như: do trình độ còn non kém, tinh thần trách nhiệm với công việc chưa cao hoặc do nể nang trong quan hệ công tác ... Đối với việc phê chuẩn lệnh tạm giam vẫn còn một số đơn vị cấp huyện có thời gian,

trong những trường hợp cụ thể chất lượng còn hạn chế có trường hợp Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc lệnh bắt tạm giam nhưng sau đó đình chỉ điều tra. Các trường hợp Viện kiểm sát hai cấp phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc bắt tạm giam sau đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội không xảy ra. Theo thống kê của Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai, Từ năm 2011 đến năm 2015, có 11 bị can đình chỉ điều tra. Các trường hợp đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự, tuy bị can vẫn phạm tội nhưng xét trên một khía cạnh cụ thể nào đó chất lượng công tác khởi tố cũng như chất lượng bắt tạm giam của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát còn có hạn chế. Trên thực tế, nhiều trường hợp không cần thiết phải tạm giam, như: bị can phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo... nhưng vẫn bị tạm giam. Cũng có trường hợp Viện kiểm sát không kiên quyết yêu cầu Cơ quan điều tra bắt tạm giam bị can dẫn đến đối tượng trốn phải tạm đình chỉ điều tra. Điều đó phản ánh được phần nào chất lượng công tác áp dụng pháp luật trong việc sử dụng biện pháp ngăn chặn của các cơ quan tiến hành tố tụng còn những hạn chế nhất định.

- Về công tác phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra và công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở các đơn vị Viện kiểm sát trong tỉnh còn có những hạn chế nhất định. Tình trạng để Cơ quan điều tra khởi tố không đúng pháp luật nhưng Viện kiểm sát không kịp thời dùng quyền của mình để thay đổi hoặc hủy bỏ, mà để cho Cơ quan điều tra tự rút lại quyết định của mình. Nhiều vụ án Viện kiểm sát không kiểm sát điều tra chặt chẽ ngay từ đầu, do vậy chất lượng hồ sơ và chứng cứ buộc tội yếu, nhiều vi phạm của cơ quan điều tra không được phát hiện kịp thời để áp dụng các biện pháp hủy bỏ hoặc kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm theo quy định của pháp luật. Trong quan hệ với Cơ quan điều tra vẫn còn biểu hiện của tư tưởng hoặc ngại va chạm, xuôi chiều nên không kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật của Cơ quan điều tra, hoặc tuyệt đối hoá quan hệ phối hợp mà buông xuôi trách nhiệm, ỷ lại vào sự chỉ đạo của cấp trên hoặc của liên ngành. Do vậy, hoạt động kiểm sát điều tra còn một số tồn tại sau:

+ Số vụ án đình chỉ, bị can đình chỉ điều tra hàng năm vẫn còn xảy ra. Tuy số vụ án và bị can đình chỉ điều tra không có trường hợp nào đình chỉ do không phạm tội, nhưng cũng phần nào phản ánh được chất lượng của việc áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở tỉnh Gia Lai còn có những hạn chế.

+ Tình trạng Cơ quan điều tra kết thúc điều tra vụ án chuyển sang Viện kiểm sát đề

ngộ truy tố sau đó Viện kiểm sát phải trả lại để điều tra bổ sung còn xảy ra nhiều, thậm trí là Viện kiểm sát truy tố chuyển sang Tòa án, Tòa án trả lại yêu cầu điều tra bổ sung còn xảy ra. Nguyên nhân chủ yếu là do Kiểm sát viên chưa nhận thức rõ vị trí vai trò của cơ quan Viện kiểm sát nên dẫn đến chưa kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra ngay từ đầu, do tinh thần trách nhiệm và trình độ nghiệp vụ của một bộ phận không nhỏ điều tra viên và Kiểm sát viên còn non kém, nhất là Điều tra viên và Kiểm sát viên cấp huyện, như: thiếu thận trọng khi khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thu giữ vật chứng, giám định, lấy lời khai... khi điều tra bổ sung khó khắc phục đủ nguồn chứng cứ (vì thời gian đã lâu, nhiều chứng cứ quan trọng đã bị tiêu hủy...) do đó có thể dẫn đến phải đình chỉ điều tra. Cũng xuất phát từ hoạt động kiểm sát điều tra của Kiểm sát viên thiếu chặt chẽ ngay từ đầu, do đó còn có một số vụ án Điều tra viên không điều tra triệt để hoặc xác định hướng điều tra không chính xác dẫn đến khó khăn cho việc chứng minh tội phạm, hồ sơ phải trả đi trả lại nhiều lần giữa các cơ quan tố tụng, nhiều vụ phải gia hạn điều tra không đáng có. Tình trạng án phải trả đi trả lại để điều tra bổ sung không những làm chậm tiến độ giải quyết án, mà còn tốn thời gian và công sức để khắc phục những thiếu sót của hoạt động điều tra ban đầu.

Do tính đặc thù của hoạt động tố tụng trong giải quyết án hình sự, đối tượng tác động của hoạt động tố tụng hình sự là tội phạm và người phạm tội, mỗi quyết định áp dụng pháp luật đều tác động trực tiếp đến những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cho nên, đối với các vụ án mà việc áp dụng pháp luật không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hoặc không đúng với nội dung của pháp luật đều để lại hậu quả và những tác động tiêu cực đối với xã hội.

Đó là những những bất cập, hạn chế cần phải được nghiêm túc kiểm điểm khắc phục trong thời gian tới để làm tốt hơn công tác này vì Đảng, Nhà nước và nhân dân luôn quan tâm đến hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, đối với Viện kiểm sát nhân dân nói riêng, đó cũng là yêu cầu, đòi hỏi của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với Viện kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác không ngừng nỗ lực phấn đấu để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mình, hạn chế, tiến tới khắc phục tình trạng bất giữ, giam, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử oan, sai, trái pháp luật.

#### *2.2.2.2. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế*

Những bất cập, hạn chế trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều

tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu nêu trên đây do nhiều nguyên nhân, kể cả khách quan và chủ quan, nhưng cơ bản có một số nguyên nhân sau:

*Một*, những quy định của pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động thực hành quyền công tố hiện nay biểu hiện nhiều yếu tố bất cập, chưa đầy đủ và thiếu tính đồng bộ dẫn đến chất lượng áp dụng pháp luật trong giải quyết án hình sự nói chung mà các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng còn nhiều hạn chế, nhất là sự bất cập của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự.

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000. Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời là kết quả của sự kế thừa một hệ thống chế định, nguyên tắc thể hiện tính khoa học, tiến bộ cao của hệ tư tưởng hình sự đã được Bộ luật hình sự năm 1985 kiểm nghiệm. Kể từ năm 2000 đến nay, Bộ luật hình sự đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, một thời gian thi hành, Bộ luật hình sự hiện hành đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế đòi hỏi phải được khắc phục, đó là: do ban hành từ năm 1999, nên Bộ luật hình sự chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; một số quy định của Bộ luật hình sự về cấu thành của một số tội phạm (như: các tội phạm về môi trường, các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin) còn nhiều bất cập, quy định chưa cụ thể dẫn đến hậu quả gây thiệt hại lớn cho xã hội, khi khởi tố thì gặp khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này trên thực tế thậm chí phải đình chỉ điều tra; một số quy định của Bộ luật hình sự tỏ ra không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện mới. Ví dụ: mức định lượng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định đối với một số tội chiếm đoạt tài sản, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và một số tội phạm khác có liên quan đến tài sản đã lạc hậu, không còn phù hợp với tình hình phát triển

kinh tế - xã hội hiện nay; các quy định về tội xâm phạm quyền tác giả và tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng yêu cầu mới do hội nhập quốc tế đặt ra; mức phạt tiền đối với các tội phạm, nhất là các tội phạm kinh tế bộc lộ nhiều bất cập so với tình hình giá cả hiện nay; Bộ luật hình sự hiện hành chưa cập nhật được những hành vi nguy hiểm cho xã hội đòi hỏi phải xử lý về mặt hình sự mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, nhất là trong một số lĩnh vực như: công nghệ thông tin, chứng khoán, tài chính - kế toán, sở hữu trí tuệ v.v... những hành vi nguy hiểm trên khi gây ra thiệt hại cho xã hội khó có thể khởi tố để điều tra, hoặc nếu khởi tố điều tra cũng gặp không ít khó khăn, thậm chí dẫn đến sai lầm.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2004. Kể từ năm 2004 đến nay, Bộ luật tố tụng hình sự đã góp phần quan trọng vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo cơ sở pháp lý nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử thi hành án hình sự, bảo đảm các quyền dân chủ của công dân, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan và người tiến hành tố tụng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, một thời gian thi hành, Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự đòi hỏi phải được khắc phục, đó là: do ban hành từ năm 2003, nên Bộ luật tố tụng hình sự chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24 tháng 05 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; những thẩm quyền của Cơ quan điều tra trong việc tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo tội phạm không phù hợp, chưa đáp ứng được tình hình thực tiễn dẫn đến bỏ lọt tội phạm; chưa xác định rõ cơ chế trong việc Cơ quan điều tra thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát; thẩm quyền của Tòa án và giới hạn của việc xét xử; nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng; thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự còn nhiều vướng mắc, chưa phát huy được tác dụng; trách nhiệm của người bảo lãnh

cho bị can, bị cáo khi bị can bị cáo trốn chưa được quy định rõ ràng; mô hình tố tụng hình sự để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp chưa được đề cập trong luật... những vấn đề trên còn nhiều vướng mắc cần phải được sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự.

Bên cạnh đó việc hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự được thực hiện còn chậm. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho các cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, trong đó có Viện kiểm sát. Có thể thấy, Bộ luật hình sự năm 1999 trong thực tiễn áp dụng pháp luật gặp rất nhiều vướng mắc (như trên đã phân tích) nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn giải thích. Điều đó dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất, trong nhiều trường hợp dẫn đến sai lầm. Do không có sự hướng dẫn thống nhất, kịp thời của các cơ quan liên ngành có thẩm quyền, dẫn đến tình trạng xuất hiện các hướng dẫn đơn ngành, làm cho quá trình thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra gặp nhiều khó khăn, có lúc dẫn đến bế tắc.

*Hai*, không ít cán bộ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát hai cấp của tỉnh Gia Lai chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn vị trí, vai trò, thẩm quyền của Viện kiểm sát trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung cũng như trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra nói riêng. Theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát giữ vai trò chủ đạo, quyết định và chịu trách nhiệm chính trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Các quyết định khởi tố bị can, các lệnh, quyết định liên quan đến việc bắt, giữ, giam người đều phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát mới có hiệu lực pháp luật. Mặt khác trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, còn có những Kiểm sát viên chưa thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao. Như trên đã phân tích cho thấy còn nhiều vụ án bị đình chỉ điều tra, bị trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, có những vụ án bị trả lại hồ sơ điều tra bổ sung không phải do vụ án quá khó về thu thập chứng cứ, mà do Kiểm sát viên đã không thực hiện đúng và đầy đủ các Quy chế của ngành đã ban hành hoặc là do ý thức trách nhiệm chưa cao, một số Kiểm sát viên thiếu chủ động trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra, còn nhiều hạn chế trong việc nghiên cứu để nắm chắc tiến độ vụ án cũng như các vấn đề cần chứng minh của vụ án. Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án không bám sát quá trình điều tra vụ án, nghiên cứu hồ sơ không kỹ, không sâu, không khách quan, do đó không nắm được đầy

đủ, tỷ mỉ các tình tiết, các chứng cứ, tài liệu buộc tội, gỡ tội đối với bị can. Do không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án nên không phát hiện được những chứng cứ còn thiếu, những chứng cứ còn mâu thuẫn... để yêu cầu điều tra kịp thời. Có những Kiểm sát viên chỉ chú ý đến việc thu thập các chứng cứ buộc tội, gỡ tội mà quên đi quyền hạn và trách nhiệm tiến hành hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra. Những điều đó có thể dẫn đến những trường hợp vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng, gây khó khăn cho quá trình giải quyết án.

*Ba*, về phẩm chất đạo đức và năng lực trình độ của chủ thể áp dụng pháp luật, qua thực tế hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Gia Lai cũng còn nhiều hạn chế nhất định (như số liệu phân tích ở trên cho thấy, số người bị bắt tạm giữ sau phải trả tự do xử lý hành chính, số vụ án, bị can bị đình chỉ điều tra, số vụ án phải trả lại để điều tra bổ sung do vi phạm tố tụng và thiếu chứng cứ còn để xảy ra nhiều). Không ít Kiểm sát viên chưa nắm vững được các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, còn lúng túng trong việc áp dụng pháp luật. Việc đánh giá chứng cứ còn phiến diện, chỉ quan tâm đến điều tra các chứng cứ buộc tội, không xem xét, đánh giá toàn diện, đầy đủ các tình tiết vụ án...do đó không đánh giá đúng bản chất của vụ việc. Năng lực phân tích, tổng hợp các chứng cứ buộc tội, gỡ tội có trong hồ sơ còn yếu. Nhiều Kiểm sát viên chưa coi trọng các thủ tục tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật, chưa tự học hỏi, nghiên cứu đầy đủ, thấu đáo các quy định pháp luật cũng như Quy chế nghiệp vụ của ngành, hoạt động theo thói quen, kinh nghiệm. Ngoài ra, còn một số cán bộ, Kiểm sát viên thiếu bản lĩnh, giảm sút ý chí phấn đấu, sa sút về phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống.

*Bốn*, công tác quản lý chỉ đạo điều hành và kiểm tra của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trong những năm gần đây đã được quan tâm và chú trọng, kiểm tra định kỳ 6 tháng hoặc một năm, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Hệ thống cơ quan Viện kiểm sát được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, Viện kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện kiểm sát địa phương chịu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Công tác chỉ đạo điều hành trong ngành chủ yếu dựa trên việc xem xét các báo cáo kết quả công tác của Viện kiểm sát cấp dưới. Việc kiểm tra hồ sơ, sổ sách chưa được tiến hành thường xuyên đối với các đơn vị, nhất là giữa

Viện kiểm sát nhân dân Tối cao với các Viện kiểm sát địa phương, phòng nghiệp vụ cấp tỉnh chưa hướng dẫn nghiệp vụ kịp thời cho cấp dưới. Mặt khác, còn có nơi Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp huyện tin tưởng, thoả mãn với báo cáo án của Kiểm sát viên, nên khi nghe báo cáo án không kỹ, không sâu, không tỷ mỉ dẫn đến sai sót trong nhiều trường hợp.

*Năm*, công tác giám sát của các cơ quan đại biểu dân cử, của các tổ chức xã hội và nhân dân đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp chưa có cơ chế giám sát hiệu quả. Quốc hội và Hội đồng nhân dân chủ yếu thực hiện quyền giám sát thông qua việc nghe báo cáo kết quả công tác theo định kỳ và giám sát thông qua chất vấn tại các phiên họp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với lãnh đạo ngành Kiểm sát. Đây là hình thức giám sát cũng đem lại hiệu quả tích cực để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát. Song, do Quốc hội và Hội đồng nhân dân phải thực hiện giám sát đối với tất cả các cơ quan Nhà nước nói chung, nên không đủ thời gian và điều kiện để thực hiện giám sát chuyên sâu đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát.

*Sáu*, công tác chủ động phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tư pháp, đặc biệt giữa các cơ quan Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra và Toà án trong việc giải quyết án hình sự có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ, chất lượng chưa cao, hoặc coi trọng việc phối hợp mà quên mất nhiệm vụ và trách nhiệm của mình dẫn đến nể nang, né tránh, ngại va chạm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây cũng được xem như một nguyên nhân làm hạn chế chất lượng áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát.

*Bảy*, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của ngành Kiểm sát cả nước nói chung còn thiếu và yếu, đối với một địa phương miền núi, kinh tế kém phát triển và xa xôi như Gia Lai, thì điều kiện cơ sở vật chất của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai còn khó khăn hơn nhiều. Mặc dù, những năm qua Đảng, Nhà nước đã quan tâm tạo điều kiện cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, kỹ thuật, thông tin liên lạc. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội trong giai đoạn hiện nay không cho phép Viện kiểm sát chậm trễ hoặc vắng mặt, như: trang thiết bị phương tiện đi lại, thông tin liên lạc cũng như các phương tiện hoạt động nghiệp vụ còn thiếu không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.



## **Kết luận Chương 2**

Hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trên cơ sở tiếp thu quy định Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã dành riêng một điều luật để quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, thẩm quyền của Viện kiểm sát được mở rộng hơn. Điều này thể hiện Cơ quan lập pháp đã thay đổi nhận thức về vai trò cũng như tầm quan trọng của chức năng thực hành quyền công tố; thấy được sự cần thiết trong việc mở rộng quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong bối cảnh yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra hiện nay.

Trong thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Gia Lai cho thấy đã đạt được những kết quả nhất định. Để đạt được những kết quả đáng khích lệ này là nhờ vào sự nỗ lực, phấn đấu và không ngừng trau dồi, học hỏi của toàn thể cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Gia Lai. Tuy vậy, trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu cũng phát sinh một số hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục. Những hạn chế, thiếu sót trên xuất phát từ những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan trong quá trình thực hành quyền công tố, đó có thể là những vướng mắc, bất cập của quy định pháp luật về công tác thực hành quyền công tố; về cơ cấu tổ chức, quản lý chỉ đạo hay sắp xếp nguồn nhân lực làm công tác này, hay việc xây dựng mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra hai cấp... Theo đó, khắc phục những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên sẽ giúp cho hiệu quả, chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được bảo đảm.

Hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được ban hành với nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng cao thẩm quyền đồng thời cũng là trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đồng thời quy định chặt chẽ hơn các thủ tục tố tụng, các biện pháp tố tụng trong giai đoạn điều tra. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về cơ bản đã tháo gỡ những bất cập, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra. Với sự thay đổi trên sẽ là cơ sở pháp lý vững chắc để Viện kiểm sát làm tốt hơn nữa công tác này trong thời gian tới.

## CHƯƠNG 3

# YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU Ở TỈNH GIA LAI

**3.1. Dự báo những yếu tố liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tỉnh Gia Lai**

**3.1.1 Dự báo về tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian tới**

### 3.1.1.1. Cơ sở dự báo

Trong những năm gần đây, Gia Lai đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế xã hội. Trong xu hướng mở cửa và hội nhập, cùng với cả nước, Gia Lai với những ưu thế riêng có về vị trí địa lý thuận lợi sẽ tiếp tục là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh so với toàn quốc. Số lượng hàng hóa, người, cùng phương tiện lưu thông qua địa bàn tỉnh ngày càng nhiều. Đời sống của nhân dân trong tỉnh ngày càng được nâng lên, với thu nhập ngày càng cao, các khu công nghiệp và khu du lịch được mở rộng và hoàn thiện.

Đảng và Nhà nước đã quan tâm đầu tư nhiều công trình, dự án để phát triển vùng Tây Nguyên, đã tạo ra sự thay đổi về đời sống cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đồng thời với các yếu tố thuận lợi đó sẽ có không ít những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận lớn dân cư, làm thay đổi cách sống, tư duy, hành động của họ. Mặt khác, quá trình đô thị hóa cùng với sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường sẽ là yếu tố tiêu cực, trực tiếp làm cho các giá trị chuẩn mực xã hội, đạo đức, văn hóa của một bộ phận quần chúng nhân dân, nhất là các đối tượng đang ở độ tuổi thanh thiếu niên xuống cấp; sự thâm nhập của các loại tệ nạn xã hội sẽ là nguy cơ đối với những người ở độ tuổi thanh thiếu niên không có nghề nghiệp, thiếu bản lĩnh, thiếu ý thức tu dưỡng, thiếu học tập rèn luyện bị sa ngã (nghiện hút, lười lao động thích hưởng thụ, ham mê cờ bạc, rượu chè, chơi bời đua đòi...), đó chính là nguyên nhân nảy sinh các vụ phạm tội nói chung, trong đó có tội phạm cướp tài sản. Một trong những nguyên nhân cần phải kể đến đó là, sự phát triển rầm rộ, nhanh chóng (đến từng khu phố, cụm dân cư) và tác động mạnh mẽ của các dịch vụ internet

tiêu cực (các trò chơi trực tuyến kích động bạo lực, phim ảnh có nội dung đồi trụy) thu hút mạnh mẽ giới trẻ tò mò, hiếu kỳ, đồng thời cũng tiêu tốn rất nhiều thời gian, tiền bạc và làm thay đổi nhận thức của họ, điều đó cũng sẽ gây ra những hệ lụy tiêu cực ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó, hàng năm hàng vạn người được bổ sung vào độ tuổi lao động cũng sẽ là sức ép lớn cho địa phương; hiệu quả từ công tác đào tạo nghề cho những người đến tuổi lao động và việc bố trí công việc cho họ cũng còn nhiều bất cập; việc cai nghiện cho những người đã từng nghiện ma túy, hoạt động tái hòa nhập cộng đồng đối với số này hiệu quả không cao cũng là một thách thức không nhỏ cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, trong đó tiềm ẩn nhiều yếu tố nảy sinh các vụ phạm tội như: trộm cắp tài sản, cướp tài sản, hiếp dâm trẻ em, giết người v.v... kẻ phạm tội dùng nhiều thủ đoạn liêu lĩnh, thực hiện hành vi ở các địa điểm như ngân hàng, các điểm thu đổi ngoại tệ, các khu công viên, trên các tuyến quốc lộ, khu công nghiệp, các trường học trên địa bàn ...

#### *3.1.1.2. Nội dung dự báo*

Tình hình tội phạm trên địa bàn đã được kiểm chế, số vụ phạm tội diễn ra không tăng đột biến, song tính chất mức độ nguy hiểm ngày càng cao, có những diễn biến phức tạp và khó lường. Bên cạnh đó các vụ phạm tội trên địa bàn ngày càng táo bạo, hậu quả nghiêm trọng gây dư luận xấu trong nhân dân như: Các vụ phạm tội trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, cướp tài sản... nổi lên đáng lo ngại, đặc biệt là các vụ phạm tội với các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, phi truyền thống.

Xuất hiện thủ đoạn phạm tội khá nguy hiểm, tính chất đặc biệt nghiêm trọng với thủ đoạn tinh vi phi truyền thống. Kẻ phạm tội thường lựa chọn địa điểm thuận lợi hoặc những địa điểm mà bọn tội phạm đã chọn sẵn để thực hiện tội phạm. Thông thường để tiến hành gây án, các đối tượng thường có sự câu kết, móc nối, hình thành băng nhóm. Các đối tượng gây án loại này thường tập trung ở số thanh niên, thiếu niên, trong đó số đối tượng nghiện ma túy, số đối tượng không có việc làm gây án ngày càng nhiều.

Các đối tượng gây án manh động, liêu lĩnh, táo bạo, trắng trợn, song cũng rất tinh vi xảo quyệt, có sự điều tra thăm dò kỹ lưỡng đối với các “mục tiêu” trước khi ra tay hành động phạm tội. Khi bị phát hiện và truy đuổi chúng sẵn sàng chống trả ngoan cố và quyết liệt để tẩu thoát. Do đặc thù là cần phải hành động nhanh gọn nhằm tránh sự phát hiện của người bị hại, quần chúng nhân dân và cơ quan chức năng trong khi phạm

tội, vì vậy, mặc dù có sự câu kết, móc nối thành băng nhóm để gây án. Trong quá trình gây án các đối tượng do sợ bị phát hiện sẽ nguy trang bằng thủ đoạn khác nhau hòng che dấu hành vi phạm tội ....

Về đối tượng gây án: Các đối tượng gây án ngày càng trẻ hóa, tập trung ở lứa tuổi thanh niên mới lớn và số thiếu niên có biểu hiện hư hỏng (bỏ học, đua đòi, lười lao động, thường xuyên có hành vi lệch chuẩn về đạo đức, lối sống, văn hóa), trong đó số đối tượng phạm tội là người nghiện ma túy hoặc liên quan đến các tệ nạn xã hội ngày càng có xu hướng tăng. Số đối tượng có tiền án, tiền sự gây án vẫn chiếm đa số.

Về phương thức, thủ đoạn phạm tội: Các đối tượng gây án có xu hướng câu kết, móc nối hình thành băng nhóm để gây án, tuy nhiên sự cố kết giữa các đối tượng thường không chặt chẽ, dễ bị phân hóa. Trước khi gây án thường có sự bàn bạc, phân công vai trò vị trí và nhiệm vụ của từng đối tượng; quá trình gây án sẽ rất mạnh động, liều lĩnh; hoạt động lưu động trên nhiều khu vực trong một địa bàn hoặc nhiều địa bàn trong phạm vi tỉnh.

Như vậy, tình hình tội phạm trong những năm qua, dự báo trong những năm tới, thời gian tới trình hình tội phạm có xu hướng ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng, vì vậy đòi hỏi công tác điều tra, xử lý, phòng ngừa tội phạm cần phải được tăng cường. Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội phạm sở hữu nói chung và các vụ án hình sự nói riêng cần phải được nâng cao về chất lượng, vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

### ***3.1.2. Tình hình cải cách tư pháp và các yêu cầu đối với công tác thực hành quyền công tố ở tỉnh Gia Lai***

Công cuộc cải cách tư pháp, với sự ra đời của Nghị quyết 08/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 48/2005 của Bộ chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và nghị quyết số 49/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 79/KL-TW ngày 28/7/2010 của Bộ chính trị về đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra đã và đang được các cơ quan tư pháp quán triệt thực hiện.

Viện kiểm sát nhân dân cũng đang đứng trước những yêu cầu đổi mới về chức

năng, nhiệm vụ để đáp ứng mục tiêu mà chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đặt ra. Việc đổi mới chức năng nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp là một chủ trương chung về cải cách tư pháp trong tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát.

Đổi mới chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nói chung và thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng được đề ra cụ thể như sau:

- Về chức năng, nhiệm vụ, Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên hai chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát được nhà nước giao nhiệm vụ là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết các vụ án hình sự. Điều đó cũng có nghĩa là các nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát đối với áp dụng pháp luật trong quá trình thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự vẫn được giữ nguyên.

- Tuy nhiên, chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát được nhấn mạnh hơn. Có nghĩa là vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự sẽ được nâng lên. Điều đó đòi hỏi, để nâng cao chất lượng công tác của Viện kiểm sát, cần có giải pháp tăng cường hơn nữa trách nhiệm, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, đặc biệt là hiệu lực của các quyền hạn mà Viện kiểm sát được trao trong khi thực hành quyền công tố và cơ chế thực hiện các quyền đó.

- Viện kiểm sát các cấp phải quán triệt đầy đủ quan điểm, coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội.

- Viện kiểm sát nhân dân phải nghiên cứu giải quyết tốt vấn đề mối quan hệ giữa chức danh hành chính và chức danh tố tụng theo phương hướng đã được nghị quyết 49 xác định “phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Kiểm sát viên... để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định tố tụng của mình”.

Trong những năm gần đây, cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng

ta cũng luôn chú trọng đến việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có Viện kiểm sát. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị “về chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020”, Nghị quyết số 49-NQ/TW đã khẳng định mục tiêu và quyết tâm của Đảng về cải cách tư pháp: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu lực và hiệu quả cao”.

Thể chế hóa chủ trương, đường lối cải cách tư pháp của Đảng, Nhà nước ta cũng đã sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản pháp luật như Hiến pháp năm 2013, Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2015.

Thực hiện chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã tổ chức quán triệt Nghị quyết đến tất cả cán bộ, kiểm sát viên trong đơn vị, xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cụ thể thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp.

Từ cơ sở lý luận, từ hoạt động thực tiễn của ngành kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và xuất phát từ những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta. Học viên thấy để bảo đảm quyền và nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân là thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tất cả các vụ án hình sự nói riêng đòi hỏi cần phải có phương hướng và giải pháp đồng bộ có tính hệ thống, nhằm phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời, chính xác mọi hành vi phạm tội theo đúng quy định của pháp luật, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội.

### **3.2. Các giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tỉnh Gia Lai**

#### **3.2.1. Giải pháp về nhận thức**

Có thể nói, việc nắm vững đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và pháp luật của Nhà nước là một yêu cầu khách quan bắt buộc trong hoạt động thực hành quyền

công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tất cả các vụ án hình sự nói riêng của Viện kiểm sát. Bản chất của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp đòi hỏi các Viện kiểm sát phải đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp trong việc quyết định có truy tố hay không truy tố người phạm tội và hành vi phạm tội của họ. Để làm được điều đó, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Gia Lai phải nắm vững pháp luật, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và trước hết là trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Viện kiểm sát hai cấp sẽ không thể thực hiện tốt chức năng nếu trong nhận thức và áp dụng pháp luật không quán triệt đầy đủ, thấu đáo quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đòi hỏi các Viện kiểm sát phải quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; đồng thời phải cập nhật được các văn bản pháp luật, nắm vững nội dung cũng như tinh thần từng điều luật cụ thể để áp dụng trong hoạt động thực tiễn.

Ngoài ra trong qua thực tiễn công tác, cần tham mưu cho cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong lãnh đạo, tổ chức hệ thống tư pháp; giải quyết các mối quan hệ; thực hiện các bảo đảm cho Viện kiểm sát các cấp thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án về tội xâm phạm sở hữu.

### ***3.2.2. Giải pháp hoàn thiện và bảo đảm thực thi pháp luật***

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu***

Bộ luật hình sự là một đạo luật lớn, sau một thời gian thi hành đã có những đóng góp quan trọng, thể hiện khá toàn diện chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chế độ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, các cá nhân. Tuy nhiên, bên cạnh đó nó vẫn còn bộc lộ một số tồn tại như bất cập trong việc khởi tố vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu mà chủ sở hữu tài sản không muốn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Chúng tôi cho rằng cần bổ sung một số hành vi phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm quan hệ sở hữu vào trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại theo Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Cụ thể, cần bổ sung khoản 1 Điều 173, Điều 176, Điều 177, Điều 180 Bộ luật hình sự năm 2015 vào khoản

1 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quy định như vậy sẽ phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt về tài sản của chủ sở hữu, đồng thời giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự hiện nay là không ít trường hợp những người thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản và người sở hữu tài sản là những người thân trong gia đình. Khi chưa biết người thực hiện hành vi thì cương quyết báo cáo và yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm, nhưng khi biết người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu của mình chính là người thân trong gia đình thì không muốn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ. Ngoài ra, cũng có trường hợp giữa người thực hiện hành vi phạm tội và bị hại tuy không có quan hệ gia đình, nhưng khi biết hoàn cảnh của người thực hiện hành vi phạm tội, chủ sở hữu thông cảm và tự nguyện không mong muốn truy cứu trách nhiệm đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để đảm bảo tính hướng thiện của pháp luật hình sự, đảm bảo hiệu quả của hình phạt; thiết nghĩ, cần trao quyền quyết định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu đối với các tội trên cho bị hại. Ngoài ra, theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định đối với người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng mà được bị hại hoặc đại diện của bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Quy định trên về cơ bản đáp ứng yêu cầu đảm bảo pháp luật có tính linh động để vận dụng áp dụng trong những trường hợp xét thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, đảm bảo chế tài hình sự đạt được hiệu quả xã hội. Nhưng với quy định tùy nghi nêu trên dễ dẫn đến tình trạng tùy tiện trong áp dụng pháp luật, phát sinh những tiêu cực xã hội. Do đó, như đã đề cập theo chúng tôi đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu ít nghiêm trọng cần cho vào trường hợp khởi tố theo yêu cầu người bị hại.

#### *3.2.2.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố*

Trong những năm qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã đáp ứng phần nào yêu cầu về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Những thành công của việc thi hành Bộ luật đã khẳng định và nêu cao trách nhiệm của Nhà nước với công dân, đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, đảm bảo xử lý nhanh gọn, kịp thời hành vi phạm tội.



Tuy nhiên, như đã phân tích trên, trong thực tiễn thi hành Bộ luật còn phát sinh nhiều tồn tại, cần được xem xét, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và để đáp ứng được yêu cầu thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Với lý do đó, trong năm 2015 Bộ luật tố tụng hình sự đã được Quốc hội khóa 13 thông qua vào ngày 27 tháng 11 năm 2015. Về cơ bản Bộ luật này đã giải quyết những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Những sửa đổi, bổ sung của Bộ luật này đã giúp nâng cao vị thế, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tuy vậy, liên quan đến việc đảm bảo cho Viện kiểm sát ngày càng thực hiện tốt hơn nữa chức năng công tố trong giai đoạn điều tra, đồng thời giải quyết triệt để những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mà chưa được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 khắc phục, trong phạm vi nghiên cứu liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự các tội xâm phạm sở hữu, người viết mạnh dạn đề xuất những giải pháp pháp luật để tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu.

- Về khởi tố vụ án hình sự: Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trên cơ sở tiếp thu quy định Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã giải quyết những khó khăn, bất cập trong thực tiễn thi hành, đồng thời để đảm bảo phù hợp với quy định Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát trong trường hợp trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm. Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm; đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được kịp thời khởi tố, điều tra và xử lý nghiêm minh, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, chúng tôi cho rằng cần bổ sung thẩm quyền khởi tố vụ án của Viện kiểm sát trong trường hợp *“đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án nhưng không được thực hiện”* vào khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quy định trên sẽ phù hợp với Điều 162 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bởi theo Bộ luật này thì yêu cầu khởi tố vụ án của Viện kiểm sát không bắt buộc Cơ quan điều tra phải thực hiện.

Ngoài ra, như đã trình bày chúng tôi cho rằng không nên quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho Hội đồng xét xử nữa bởi trong thực tiễn thi hành hai Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và 2003 vừa qua có rất ít trường hợp Hội đồng xét xử trực

tiếp quyết định khởi tố vụ án hình sự mà chủ yếu kiến nghị, yêu cầu Viện kiểm sát xem xét khởi tố. Theo đó, cần sửa đổi quy định khoản 4 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như sau: *“Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm”*. Việc bỏ quyền này của Hội đồng xét xử, theo chúng tôi sẽ phù hợp với chức năng tố tụng của Tòa án được Hiến pháp năm 2013 quy định; đảm bảo cho Tòa án tập trung thực hiện chức năng xét xử, không tham gia thực hiện chức năng buộc tội; đảm bảo vụ án được xem xét và phán quyết khách quan, đúng pháp luật.

- Về thẩm quyền khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can:

Việc ra quyết định khởi tố bị can là để tiến hành điều tra với một người phạm tội mà cơ quan có thẩm quyền chưa hoàn toàn có đủ chứng cứ chứng minh họ đã phạm tội, và cơ quan có thẩm quyền khởi tố bị can ngoài Cơ quan điều tra còn có Viện kiểm sát, do vậy cần sửa đổi khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 theo hướng: *“Khi có đủ căn cứ để xác định một người bị nghi thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là phạm tội thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can”*.

Ngoài ra, việc quy định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can là cần thiết để phù hợp với hành vi của bị can, đảm bảo chính xác đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, định hướng đúng đắn cho quá trình chứng minh và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can. Tuy nhiên, để tránh tình trạng truy cứu cùng, tức khi xác định hành vi của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố, các cơ quan tố tụng “chữa cháy” bằng cách thay đổi quyết định khởi tố bị can một cách tùy tiện. Theo đó, cần sửa đổi Điều 180 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 theo hướng: *“Khi tiến hành điều tra nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can về tội có cùng tính chất. Trường hợp xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố mà phạm vào tội khác không cùng tính chất thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can về tội danh đã khởi tố và ra quyết định khởi tố bị can về tội danh mới để tiến hành điều tra nếu đủ căn cứ”*. Ví dụ, trong quá trình trộm cắp tài sản, khi bị phát hiện đối tượng dùng vũ lực để tẩu thoát gây thương tích cho bị hại. Lúc đầu Cơ quan điều tra khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản, qua quá trình điều tra không đủ căn cứ truy cứu tội danh này đối với bị can. Trường

hợp này Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với tội trộm cắp; nếu hành vi của bị can đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, hoặc vô ý gây thương tích thì khởi tố mới vụ án, bị can để điều tra đối với tội danh này.

- Để đảm bảo việc điều tra, thu thập các tài liệu, chứng cứ trong những trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can được khách quan, toàn diện thì cần sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 theo hướng bổ sung cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao “*có thẩm quyền điều tra những vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng được Viện kiểm sát các cấp khởi tố vụ án, khởi tố bị can yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhưng không được đảm bảo*”. Bởi thực tế hiện nay, Viện kiểm sát chỉ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau khi Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra hoặc đã yêu cầu khởi tố bị can nhưng không được thực hiện... nên khi Viện kiểm sát khởi tố và chuyển lại để điều tra thì Cơ quan điều tra tiếp nhận với tâm lý miễn cưỡng, thường không tập trung điều tra, thu thập chứng cứ mà chậm trễ, kéo dài thời gian điều tra. Do vậy, nhiều vụ án, bị can phải đình chỉ điều tra dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Theo chúng tôi, quy định bổ sung thẩm quyền của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong trường hợp nêu trên sẽ giải quyết được bất cập đã nêu, đồng thời phù hợp với lộ trình cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đang đề ra.

Khi nghiên cứu về thẩm quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự, chúng tôi thấy rằng việc quy định quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát tại điểm c, điểm d, khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là không phù hợp bởi đây là quyền năng tố tụng chứ không phải thẩm quyền hành chính trong cơ quan tư pháp. Vì vậy, nên tách thẩm quyền ý cuối điểm c “*quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn và trái pháp luật của Kiểm sát viên*” và điểm d, khoản 1 Điều 41 chuyển sang khoản 2 Điều 41 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Về trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát. Để thực hiện tốt chủ trương “*thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra*” và chủ trương “*Tăng cường công tố trong hoạt động điều tra*” được nêu trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, cần quy định Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm thu thập chứng cứ, chứng minh sự thật vụ án, Viện kiểm sát đề ra các yêu cầu

điều tra, yêu cầu chứng minh ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và trong suốt quá trình điều tra. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu quyết định của Viện kiểm sát; mọi yêu cầu của Viện kiểm sát về chứng minh tội phạm phải được Cơ quan điều tra tiến hành đầy đủ, nếu không đồng ý vẫn phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị đến Viện kiểm sát cấp trên xem xét, giải quyết. Theo đó, cần sửa đổi Điều 162 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như sau:

*“1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát.*

*2. Đối với quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 159, điểm b khoản 1 Điều 161 của Bộ luật này, nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp...”*

- Thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Thực hiện chủ trương “*thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam*” theo Nghị quyết 49/NQ-TW, Bộ luật tố tụng hình sự cần phải sửa đổi theo hướng hạn chế đối tượng người có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam. Theo đó, chúng tôi cho rằng để đơn giản thủ tục, tiết kiệm chi phí, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tránh đùn đẩy trách nhiệm, cần đổi mới đối tượng áp dụng biện pháp tạm giam theo hướng: Viện kiểm sát quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố (thực chất hiện nay, Viện kiểm sát phê chuẩn tức là Cơ quan điều tra xin lệnh) và Tòa án áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử. Theo đó, cần bỏ khoản 1 Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; cần thay đổi khoản 5, Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như sau: “*Viện kiểm sát quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc tự mình quyết định trong giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố; tòa án quyết định áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo trong giai đoạn xét xử. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định tạm giam hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can hoặc thông báo cho Cơ quan điều tra biết việc không áp dụng biện pháp tạm giam. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra*

*ngay sau khi kết thúc việc quyết định áp dụng biện pháp tạm giam”.*

Tương tự với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giam, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can để thay thế biện pháp tạm giam như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại Điều 121, Điều 122 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cũng cần quy định Viện kiểm sát là chủ thể duy nhất quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này trong giai đoạn điều tra, truy tố trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc khi xét thấy cần thiết.

### *3.2.2.3. Hướng dẫn áp dụng pháp luật*

Triển khai thi hành các Bộ luật mới là việc đảm bảo đưa các quy định của các Bộ luật đó vào thực tiễn thi hành, làm sao cho quá trình thi hành pháp luật một cách có hiệu quả nhất, hạn chế đến mức thấp nhất những vướng mắc, bất cập phát sinh. Để làm được điều này cần quán triệt áp dụng những quy định mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật hình sự năm 2015, đồng thời kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thi hành các Bộ luật mới về hình sự để đảm bảo áp dụng thống nhất, phù hợp và đúng pháp luật.

Các ngành, Liên ngành tố tụng trung ương cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung TTLT số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Bộ tư pháp - Bộ Công an - TAND tối cao - Viện KSND tối cao về áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đối với “các tội xâm phạm sở hữu”.

- Sửa đổi, bổ sung TTLT 05/2005/ VKSTC-BCA-BQP ngày 07 tháng 9 năm 2005 của Viện KSND Tối cao - Bộ công an - Bộ quốc phòng về mối quan hệ phối hợp của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Luật TTHS năm 2003.

- Bộ công an cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2006/TT-BCA ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Bộ công an hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Điều 35 BLTTHS năm 2003 (nay là Điều 37 BLTTHS năm 2015). Ngoài ra, cần bổ sung vào Thông tư sửa đổi những quy định hướng dẫn Điều 38 BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn cũng như trình tự, thủ tục, điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với cán bộ điều tra.

- Sửa đổi TTLT số 03/2006/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 01 tháng 6

năm 2006 của Bộ công an - Viện KSND tối cao- TAND tối cao hướng dẫn về thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

- Sửa đổi TTLT số 01/2010/TTLT- VKSNDTC- BCA-TANDTC ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Viện KSND Tối cao - Bộ công an- TAND tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của BLTTHS năm 2015.

- Sửa đổi, bổ sung TTLT số 01/2011/TTLT- VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Viện KSND tối cao - TAND tối cao - Bộ công an - Bộ tư pháp- Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên.

- Sửa đổi, bổ sung TLT số 06/2013/TLTT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT- VKSNDTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 của Bộ công an - Bộ quốc phòng - Bộ tài chính - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện KSND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS về tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Ngành kiểm sát nhân dân cần sửa đổi, bổ sung các Quy chế liên quan đến công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự như: Quy chế kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra việc tiến hành giám định; Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong khởi tố, điều tra và truy tố vụ án hình sự.

- Ngoài ra, Bộ công an cần chủ trì, phối hợp với Bộ quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cần khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời, các ngành trung ương cần xây dựng đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ trình cụ thể thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

### **3.2.3. Giải pháp về tổ chức**

#### **3.2.3.1. Kện toàn tổ chức Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Gia Lai**

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp, tăng cường cán bộ có năng lực cho các đơn vị làm

công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng để Viện kiểm sát có thể làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Trước yêu cầu của cải cách tư pháp, với nhận thức coi hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra là hoạt động có ý nghĩa then chốt, mang tính chất quyết định đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tố tụng hình sự nói chung của Viện kiểm sát, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra nói riêng, cần thực hiện một số công việc sau:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai cần chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các huyện rà soát, kiện toàn tổ chức và bộ máy làm việc của các đơn vị theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo đúng tinh thần Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát, phải bố trí Kiểm sát viên có đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Các đơn vị phải thường xuyên báo cáo tình hình của đơn vị khi thực hiện tăng thâm quyền, những khó khăn, vướng mắc nếu có và đề xuất lên cấp trên để sớm có những biện pháp giải quyết kịp thời.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai cần rà soát xác định rõ nhu cầu về biên chế và cơ cấu Kiểm sát viên của từng Viện kiểm sát cấp huyện, từng đơn vị nghiệp vụ Viện kiểm sát tỉnh. Nhu cầu về biên chế phải được xác định trên cơ sở khối lượng công việc (số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm) và các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội của từng đơn vị, đồng thời ưu tiên các đơn vị trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, các đơn vị cấp huyện có nhiều án. Từng đơn vị phải xác định rõ yêu cầu và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng; thường xuyên rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, Kiểm sát viên để sắp xếp, bố trí đúng người, đúng việc nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của từng cán bộ, Kiểm sát viên. Trên cơ sở đó, báo cáo, đề xuất với Viện kiểm sát nhân dân Tối cao xin bổ sung biên chế cho tỉnh và phân bổ biên chế cho các đơn vị.

Công tác quy hoạch cán bộ phải được làm thường xuyên và liên tục nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, Kiểm sát viên và các chức vụ quản lý phải đảm bảo đúng trình tự thủ tục, đúng tiêu chuẩn theo các quy định của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao cho từng chức danh, đảm bảo tính dân chủ, công khai. Việc tuyển dụng cán bộ vào ngành theo hướng chú trọng cả về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ; có chính sách khuyến khích, ưu tiên những sinh viên được đào tạo cơ bản, có học lực khá, giỏi trở lên vào ngành.

### *3.2.3.2. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên*

Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, mỗi cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên ngành Kiểm sát phải thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ về chính trị và nghiệp vụ, thực hiện đúng lương tâm và trách nhiệm là đòi hỏi không phải của riêng quá trình cải cách tư pháp, mà là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục. Để nâng cao chất lượng cán bộ đòi hỏi trước hết người cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên phải tự rèn luyện ý thức chính trị. Bên cạnh đó đòi hỏi công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra phải có tính pháp lý và tính nghiệp vụ cao, thì người cán bộ kiểm sát phải nhận thức được tính chính trị trong công tác của mình. Tức là, phải luôn luôn quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, vận dụng vào công tác kiểm sát để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Rèn luyện ý thức chính trị tức là đòi hỏi cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên phải luôn luôn nắm vững các chủ trương, nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như các chủ trương, nghị quyết liên quan đến công tác của Viện kiểm sát. Bên cạnh đó các Kiểm sát viên còn phải được quán triệt đầy đủ những chủ trương của cấp uỷ Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương để hướng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra phục vụ có hiệu quả hơn. Rèn luyện nâng cao ý thức chính trị sẽ giúp Kiểm sát viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành một cách có tình, có lý, được nhân dân tin tưởng và đồng tình, giúp Kiểm sát viên vận dụng



pháp luật được đúng đắn hơn.

Việc rèn luyện ý thức chính trị luôn phải đi đôi với rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên. Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra của Kiểm sát viên làm cho Kiểm sát viên hàng ngày phải tiếp xúc với những mặt trái của xã hội tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm. Đòi hỏi Kiểm sát viên thường xuyên trao dồi đạo đức và rèn luyện ý thức chính trị. Khi Kiểm sát viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức sẽ biết cách khắc phục những khó khăn chủ quan và khách quan trước mắt để hoàn thành nhiệm vụ được giao mà không thụ động, không ỷ lại cấp trên. Trong điều kiện đất nước ta đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc rèn luyện ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức cho Kiểm sát viên càng đặt ra cấp bách. Thời gian gần đây đã có những vụ việc cho thấy càng phải tiếp tục chú trọng công tác rèn luyện ý thức chính trị và đạo đức cho cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên. Vì vậy, hai cấp Viện kiểm sát tỉnh cần tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên, kịp thời phát hiện những cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên có biểu hiện tiêu cực, vi phạm kỷ luật nghiệp vụ để uốn nắn và xử lý nhằm làm trong sạch bộ máy của ngành.

Để đảm bảo cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng đạt chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay, một đòi hỏi khách quan là phải tiếp tục nâng cao trình độ pháp lý và nghiệp vụ cho Kiểm sát viên thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, thì họ phải nắm vững pháp luật. Đồng thời, Kiểm sát viên phải có trình độ nghiệp vụ chuyên môn thông thạo để linh hoạt, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. Vì vậy, Kiểm sát viên không những phải học tập để nâng cao trình độ học vấn của mình theo tiêu chuẩn luật định, mà còn phải trao dồi nhiều kỹ năng nghiệp vụ. Kiểm sát viên phải được thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới. Để đáp ứng được yêu cầu nói trên, thì Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phải có kế hoạch định kỳ đào tạo, đào tạo lại, thường xuyên tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho Kiểm sát viên, khắc phục tình trạng có Kiểm sát viên sau khi kết thúc đào tạo trình độ cử nhân mà nhiều năm sau không được đào tạo lại hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ, tổng kết kinh nghiệm để nhân ra diện rộng, tổ chức

ngiên cứu khoa học, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ, mở rộng các hình thức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về thực hành quyền công tố. Các tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng phải trở thành tiêu chuẩn không những của việc bổ nhiệm Kiểm sát viên mà còn là tiêu chuẩn của việc bổ nhiệm lại hoặc bổ nhiệm chức vụ quản lý. Trong thời gian tới, công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của ngành cần chú ý các vấn đề sau:

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên trẻ, kiểm sát viên chủ chốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên phải được làm một cách khách quan, toàn diện cả về mặt chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn. Khuyến khích việc học tập, nghiên cứu, tự học tập, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành. Trong thời gian tới cần có chính sách khuyến khích để các đồng chí cán bộ trẻ theo học nâng cao sau đại học như Thạc sĩ, Tiến sĩ và chú ý phát hiện những cán bộ năng lực triển vọng đưa đi học tập cử nhân chính trị để đào tạo họ trưởng thành những chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực nghiệp vụ như chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

- Bồi dưỡng và giáo dục để mỗi cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát. Từ đó, giúp cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên xác định rõ vị trí, vai trò của ngành trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp khác và trong bộ máy nhà nước, giúp ngành Kiểm sát và mỗi kiểm sát viên phát huy được tính độc lập của mình, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội.

- Hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, của ngành Kiểm sát nói riêng chính là hoạt động đảm bảo các quy định pháp luật. Để áp dụng đúng đắn pháp luật, trước hết mỗi cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên phải có kiến thức pháp lý sâu rộng, đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Vì thế, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao cần tăng cường tập huấn các văn bản pháp luật mới, đồng thời tổng kết thực tiễn rút kinh nghiệm trong phạm vi cả nước về áp dụng pháp luật, để phổ biến những cách làm hay, áp dụng pháp luật chính xác để nhân diện rộng, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ, mở rộng các hình thức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về thực hành quyền công tố...

*3.2.3.3. Xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức đối với công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai*

Thực tiễn công tác kiểm sát của ngành đã cho thấy quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp, giữa các cấp kiểm sát và giữa Viện kiểm sát quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp và giữa Viện kiểm sát với các cơ quan tổ chức, đơn vị không chỉ là giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu, mà đã được coi là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành kiểm sát nhân dân. Trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong giai đoạn điều tra, việc xây dựng được mối quan hệ phối hợp tốt giữa các đơn vị ở mỗi cấp kiểm sát, giữa các cấp kiểm sát cũng như giữa Viện kiểm sát với các cơ quan đơn vị ngoài ngành có một ý nghĩa to lớn, giúp cho việc khắc phục tình trạng “Việc ai người ấy làm”, hoặc tình trạng “quyền anh, quyền tôi”. Xây dựng được mối quan hệ phối hợp tốt sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trước hết, phải xây dựng được mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị công tác ở mỗi cấp kiểm sát. Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị nêu rõ: “*Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội*”. Điều đó có ý nghĩa là để được chất lượng, hiệu quả cao trong hoạt động thực hành quyền công tố, đòi hỏi phải có phối hợp chặt chẽ, toàn diện giữa các đơn vị nghiệp vụ trong Viện kiểm sát. Ví dụ, bộ phận kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù phải thông báo kịp thời cho bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong giai đoạn điều tra biết những trường hợp sắp hết hoặc đã hết hạn tạm giữ, tạm giam, hoặc khi có phạm nhân trốn trại để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp; ngược lại bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra phải thông báo kịp thời những trường hợp huỷ bỏ việc tạm giữ, tạm giam cho bộ phận kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù biết để thực hiện các hoạt động kiểm sát. Để bảo đảm thực hiện tốt quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp kiểm sát, đòi hỏi vai trò chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Viện trưởng viện kiểm sát các cấp, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa các Phó viện trưởng

phụ trách các khâu nghiệp vụ với nhau, trên cơ sở chỉ đạo chung của Viện trưởng.

Trong quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát các cấp với nhau cũng đòi hỏi có sự phối hợp trong hoạt động nghiệp vụ và trong hoạt động chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp kiểm sát, giữa các cấp có sự phối hợp trên dưới và ngược lại. Ví dụ như trong công tác kháng nghị phúc thẩm, để bảo đảm cho Viện kiểm sát cấp trên thực hiện được quyền kháng nghị phúc thẩm theo quy định của pháp luật, các Viện kiểm sát cấp dưới phải sao gửi bản cáo trạng và sao gửi ngay bản án của Toà án gửi cho Viện kiểm sát cấp trên, gửi ngay báo cáo kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm cùng những quan điểm của Viện kiểm sát cấp mình để Viện kiểm sát cấp trên nghiên cứu; trong trường hợp nhận thấy bản án hoặc quyết định sơ thẩm có vi phạm pháp luật nhưng Viện kiểm sát cấp dưới đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm thì phải báo cáo đề xuất ngay với Viện kiểm sát cấp trên để kháng nghị phúc thẩm. Đối với các Viện kiểm sát cấp trên, sau khi có kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, cần thông báo cho các Viện kiểm sát cấp.

Cần tăng cường và đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và kiểm tra của Viện kiểm sát cấp trên đối với Viện kiểm sát cấp dưới. Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành luôn có vai trò quan trọng đối với bất kỳ một cơ quan, đơn vị nào và có ý nghĩa quyết định. Để tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong ngành Kiểm sát, cần quán triệt và thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Quán triệt sâu sắc nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành theo đúng quy định tại Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Điều 36 Bộ luật tố tụng năm 2003 đến từng từng cán bộ, kiểm sát viên. Tăng cường vai trò của Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp, trước hết là nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Viện trưởng trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra. Thực tế hiện nay, nhiều Viện trưởng Viện kiểm sát quá bận vào công việc hội họp, các công việc hành chính, vì vậy không tập trung vào các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp mà giao công việc đó cho cấp phó và các kiểm sát viên dưới quyền. Nhiều quyết định tố tụng được Viện trưởng ban hành chỉ dựa trên cơ sở nghe báo cáo của cấp dưới, do vậy có thể dễ xảy ra oan sai. Với vai trò là người lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của Viện kiểm sát cấp mình và cấp dưới, đòi hỏi trước hết Viện

trưởng Viện kiểm sát phải tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, bảo đảm các quyết định pháp lý được ban hành phải chính xác, hợp pháp và có căn cứ.

- Tăng cường và đổi mới hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Viện trưởng đối với hoạt động của đơn vị, nhất là đối với các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, trước hết là các hoạt động quan trọng như: quản lý và tiếp nhận, xử lý về tin báo tội phạm; quản lý vấn đề khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, quản lý vấn đề trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quản lý các trường hợp án đình chỉ, án tạm đình chỉ.... Để thực hiện tốt hoạt động này, đòi hỏi Viện trưởng phải có sự phân công, phân nhiệm cho từng bộ phận công tác và cho từng cán bộ, kiểm sát viên một cách hợp lý nhằm phát huy hết năng lực sở trường của họ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận công tác. Đồng thời, phải nắm được đầy đủ, sâu sát và toàn diện từng vấn đề, từng nội dung công việc, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp để chỉ đạo kịp thời.

- Nâng cao vai trò hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với Viện kiểm sát cấp huyện trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra: Hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành được thực hiện thông qua việc thực hiện xây dựng, triển khai và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, chương trình công tác hằng năm; thông qua việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quản lý công tác trong ngành... Để thực hiện có hiệu quả hoạt động này, Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh cần có biện pháp để các Viện kiểm sát cấp huyện thực hiện tốt chế độ báo cáo, thống kê, chế độ thỉnh thị nghiệp vụ, đồng thời phải tạo cơ chế chặt chẽ trong việc xử lý các thông tin báo cáo, trả lời thỉnh thị. Viện kiểm sát tỉnh phải tăng cường sự chỉ đạo đồng thời với việc tăng cường biện pháp kiểm tra hoạt động của Viện kiểm sát cấp huyện, như quy định chế độ giao ban công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh với các phòng nghiệp vụ của tỉnh với Viện kiểm sát huyện, lập các đoàn kiểm tra công tác... Phải khắc phục ngay tình trạng cấp dưới không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, kịp thời. Vì như thế, Viện kiểm sát cấp trên sẽ không nắm được công việc để chỉ đạo xử lý. Công tác kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ phải được làm thường xuyên và liên tục. Thông qua công tác kiểm tra để nắm chất lượng hoạt động thực tế trong hoạt động nghiệp vụ của từng

đơn vị, kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót để uốn nắn, rút kinh nghiệm. Đồng thời khắc phục tình trạng, một số đơn vị do chạy theo thành tích mà báo cáo không đầy đủ kết quả công tác, đặc biệt là những thiếu sót, tồn tại của đơn vị mình.

Bên cạnh đó, cũng cần đồng thời nâng cao và xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của kiểm sát viên. Vấn đề này phải được giải quyết hài hòa với việc nâng cao trách nhiệm của Viện trưởng, nếu không sẽ dẫn đến tình trạng làm cho quá coi trọng quyền hạn của Kiểm sát viên mà bỏ quên trách nhiệm của Viện trưởng hoặc quá coi trọng trách nhiệm của Viện trưởng mà hạ thấp vai trò của kiểm sát viên làm cho kiểm sát viên không phát huy được hết vai trò sáng tạo, đề thụ động, ỷ lại cho Viện trưởng.

Hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật là nhiệm vụ không chỉ riêng của các cơ quan bảo vệ pháp luật mà là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, nhưng trong đó các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, trong đó có Viện kiểm sát với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật sẽ không đạt hiệu quả cao nếu không có sự phối kết hợp với các cơ quan tư pháp khác đặc biệt là Cơ quan điều tra, Tòa án, bên cạnh đó còn có các ban ngành khác của tỉnh, huyện. Thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp cho thấy, nơi nào xây dựng được mối quan hệ phối hợp tốt giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật nhất là các cơ quan trực tiếp tiến hành tố tụng thì nơi đó có điều kiện để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Vì vậy, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa ngành kiểm sát với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong hoạt động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm là yêu cầu khách quan, bảo đảm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự, trong đó có hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân. Việc tăng cường mối quan hệ phối hợp liên ngành trước hết phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành theo luật định, nhằm đảm bảo việc áp dụng pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất. Muốn vậy, liên ngành Viện kiểm sát, Công an và Tòa án ở mỗi cấp phải thống nhất xây dựng được quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động tố tụng hình sự, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị trong hoạt động tố tụng giải quyết hình sự, đặc biệt là đối với các vụ án lớn, án trọng điểm, án nghiêm trọng, phức tạp, những vụ án cần điều tra,

truy tố, xét xử nhanh hoặc xét xử lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh, những vụ án cần tiến hành theo thủ tục rút gọn ... trước hết là cấp tỉnh để làm căn cứ cơ sở cho cấp huyện thực hiện. Hoạt động phối hợp liên ngành phải được thực hiện ngay từ khi có tin báo, tố giác về tội phạm đến khi vụ việc được giải quyết triệt để theo quy định của pháp luật tránh tình trạng để lọt người, lọt tội hoặc làm oan người vô tội. Đồng thời cũng cần tiếp tục nghiên cứu mô hình và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật trong tiến trình cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị, theo đó cơ quan Tòa án tổ chức theo thẩm quyền không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án.

Bên cạnh hoạt động phối hợp giữa các cơ quan trực tiếp làm công tác bảo vệ pháp luật thì cũng cần thiết phối hợp với các cơ quan ban ngành khác ở địa phương, nhất là với Ủy ban mặt trận tổ quốc để tuyên truyền phổ biến pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm; kiểm tra, giám sát hoạt động tư pháp... có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi, tranh thủ được sự ủng hộ của các ban ngành trong tỉnh để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành, vừa đảm bảo phục vụ tình hình chính trị địa phương.

#### ***3.2.4. Hoàn thiện cơ chế giám sát đối với công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Gia Lai***

Theo các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các văn bản pháp luật hiện hành thì Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân được tiến hành thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Hội đồng nhân dân giám sát các cơ quan tư pháp thông qua các hoạt động: xem xét báo cáo công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp; xem xét việc trả lời chất vấn của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp. Hội đồng nhân dân có thể yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp báo cáo về những vấn đề khác khi xét thấy cần thiết. Trong hoạt động giám sát, các ban của Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt

động của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước nói chung, đối với các cơ quan tư pháp nói riêng trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tốt góp phần cho hoạt động của các cơ quan này có chất lượng và hiệu quả. Tuy nhiên, hoạt động giám sát như vậy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đổi mới và cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đặt ra. Trên thực tế những năm qua, hoạt động của các cơ quan dân cử còn mang tính hình thức. Với định kỳ một năm họp hai lần, thời gian mỗi kỳ họp ít ngày, nên không thể giải quyết được hết vấn đề phát sinh, bởi bên cạnh chức năng giám sát, Hội đồng nhân dân còn thực hiện các chức năng quan trọng khác. Vì thế thời lượng giành cho chất vấn và trả lời chất vấn nói chung, chất vấn của ngành Kiểm sát nói riêng còn ít; mặt khác chất lượng đại biểu dân cử nhìn chung còn hạn chế và không đồng đều. Đa số những đại biểu có kiến thức, có năng lực đều là những đại biểu hoạt động kiêm nhiệm, phần lớn còn lại là những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội, cơ cấu vùng miền, thành phần dân tộc.

Đổi mới, nâng cao chất lượng giám sát của Hội đồng nhân dân là một đòi hỏi khách quan, mà trước hết phải đổi mới chất lượng của Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng tăng cường đại biểu hoạt động chuyên trách; nâng cao chất lượng đại biểu, theo đó những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội, thành phần dân tộc cũng phải đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới được ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Phát huy vai trò giám sát của cá nhân đại biểu Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của Viện kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác. Phân công những đại biểu có chuyên môn về lĩnh vực pháp luật trực tiếp phụ trách việc giám sát hoạt động áp dụng pháp luật của Viện kiểm sát và các cơ quan tư pháp.

Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu Viện kiểm sát và các cơ quan tư pháp các cấp trong việc xử lý, thực hiện các kết luận qua giám sát, đảm bảo các nội dung đã kết luận đều được thực hiện đầy đủ kịp thời.

Mặt khác phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan tư pháp khác. Đặc biệt là vai trò của Mặt trận tổ quốc và các thành viên của Mặt trận. Vì vậy, Viện kiểm sát phải chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc



để ban hành quy chế phối hợp công tác giữa ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc và Viện kiểm sát nhân dân, từ đó mở rộng các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao nhận thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, để họ tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động áp dụng pháp luật trong giải quyết án hình sự của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta tiến hành mạnh mẽ công cuộc cải cách hành chính và tư pháp, vấn đề đặt ra cả về lý luận và thực tiễn hiện nay là cần phải nghiên cứu, xem xét để điều chỉnh lại hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với Viện kiểm sát cho phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đây có thể xem như là cơ sở thực tiễn để nghiên cứu, xem xét khi lựa chọn phương án đảm bảo sự giám sát của Hội đồng nhân dân đối với Viện kiểm sát cấp huyện theo yêu cầu cải cách trong thời gian tới.

### ***3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất, hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên***

Trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới và chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu thì nhiệm vụ: “*Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hoá các cơ quan tư pháp. Phấn đấu năm 2015 xây dựng đủ trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp từ trung ương đến cấp huyện; xây dựng, cải tạo, sửa chữa các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Có chính sách tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ phù hợp cho cán bộ tư pháp*”... Như vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp nói chung và công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra nói riêng đã trở thành yêu cầu khách quan. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát giữ vai trò rất lớn, quyết định trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra. Trước các yêu cầu của cải cách tư pháp, vai trò và trách nhiệm của Viện kiểm sát tăng lên rất nhiều. Đơn cử, theo yêu cầu

của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, để bảo đảm tốt các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát phải tham gia đầy đủ các cuộc khám nghiệm hiện trường, tăng cường phối hợp với Toà án tổ chức các phiên toà xét xử lưu động, tăng cường kiểm sát trực tiếp tại các nơi tạm giữ, tạm giam, trại giam. Để thực hiện tốt các hoạt động này, việc tăng cường trang bị phương tiện giao thông, liên lạc cho Viện kiểm sát các cấp ở địa phương là cần thiết. Chế độ báo cáo được đặt ra khẩn cấp hơn, nhiều hơn,... Trước tình hình như vậy, việc tăng cường đầu tư phương tiện đi lại, trang thiết bị khoa học, công nghệ cao là hết sức cần thiết, bảo đảm cho hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra đạt chất lượng hiệu quả cao hơn.

Trên thực tế cho đến nay, trụ sở làm việc của Viện kiểm sát các huyện và trụ sở làm việc của Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai đã được đầu tư xây dựng cơ bản, phương tiện làm việc đã được trang bị máy photo, máy tính, xe máy và chế độ chính sách đối với cán bộ Viện kiểm sát đã ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và trong mối tương quan về mức sống với các ngành khác, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc của ngành kiểm sát vẫn còn thiếu thốn, nghèo nàn và lạc hậu, đời sống của cán bộ, kiểm sát viên còn gặp nhiều khó khăn. Trước yêu cầu của cải cách tư pháp, vai trò và trách nhiệm của Viện kiểm sát tăng lên rất nhiều.

Để thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố nói chung, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng đạt hiệu quả mong muốn, việc tăng cường trang thiết bị, phương tiện giao thông, liên lạc, trang thiết bị khoa học, công nghệ cho Viện kiểm sát các cấp là hết sức cần thiết, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao trong thời gian tới sớm có kế hoạch đầu tư theo hướng sau:

- Đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin có chất lượng cao phục vụ công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chuẩn hoá tin học trong cơ quan Viện kiểm sát các cấp

- Đầu tư in ấn, cấp phát các văn bản pháp luật, tài liệu, sách báo có liên quan đến lĩnh vực pháp luật cho cán bộ, Kiểm sát viên trong ngành nghiên cứu học tập và áp dụng vào giải quyết các vụ việc cụ thể. Đồng thời, trang bị phương tiện đi lại và dụng cụ bảo hộ phục vụ các hoạt động nghiệp vụ có tính độc hại cao như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khai quật tử thi, thực nghiệm điều tra ...

- Có chế độ lương, phụ cấp và các đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ, kiểm sát viên

để họ có điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị giao động, sa ngã trước mọi tác động, cám dỗ, mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **Kết luận Chương 3**

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự các tội xâm phạm sở hữu, chúng tôi nhận thấy những yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật trong giai đoạn điều tra giúp cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố trong giai đoạn tố tụng này. Đó có thể là các yêu cầu chung đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện các thủ tục tố tụng nhằm đáp ứng yêu cầu thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, hay những yêu cầu cụ thể trong từng hoạt động tố tụng như yêu cầu về đổi mới thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị; yêu cầu về đổi mới thủ tục điều tra vụ án hình sự...

Trên cơ sở những yêu cầu đặt ra trong việc đổi mới thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, đổi mới các hoạt động tố tụng liên quan đến thực hiện chức năng công tố của ngành kiểm sát nhân dân, chúng tôi đưa ra hệ thống các giải pháp bao gồm các giải pháp pháp lý và các giải pháp khác. Hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được thông qua, Bộ luật tố tụng hình sự này về cơ bản đã giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Và cũng vì mới được ban hành nên chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật trong khi các văn bản hướng dẫn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tỏ ra lạc hậu, thiếu sự đồng bộ, phù hợp. Do đó, trong đề tài này, ở khía cạnh giải pháp pháp luật chúng tôi đặt ra giải pháp đầu tiên để đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật trong việc thực hiện chức năng công tố là cần ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Ngoài ra, với nhận thức để đảm bảo chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, thiết nghĩ cần áp dụng một cách đồng bộ các giải pháp khác bên cạnh giải pháp pháp luật để bảo đảm khắc phục toàn diện, đầy đủ những hạn chế, thiếu sót liên quan đến công này. Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài Luận văn thạc sĩ, chúng tôi chỉ tập trung vào một số giải pháp cơ bản như nâng cao, thay đổi nhận thức trách nhiệm của cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên, thay đổi phương thức chỉ đạo điều hành, phương thức đào tạo, tổ chức cán bộ đối với cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác này.

## KẾT LUẬN

Cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước, cải cách hành chính và cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay đang được Đảng và Nhà nước ta tiến hành nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là phải xây dựng mô hình tổng thể của tổ chức bộ máy Nhà nước, trong đó có hệ thống cơ quan tư pháp, xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng của từng cơ quan trong hệ thống tư pháp và cơ chế vận hành hệ thống đó. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chỉ thị, Nghị quyết, Hiến pháp và pháp luật xác định chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân là thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn để tác giả tiếp cận, nghiên cứu về vấn đề thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai hiện nay. Những năm qua, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu nói riêng và các vụ án hình sự nói chung của ngành kiểm sát nhân dân nói chung và của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai nói riêng đã đạt được những thành tích đáng kể. Góp phần ổn định chính trị, bảo vệ tài sản của Nhà nước, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân. Bên cạnh đó, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, như: bỏ lọt tội phạm, án trả lại điều tra bổ sung còn nhiều... phần nào chưa kiểm soát được tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp đặt ra. Để góp phần vào khắc phục tình trạng trên và bảo đảm chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của ngành kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, học viên đã khảo sát đánh giá thực trạng của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tại địa phương. Để từ đó đưa ra phương hướng và giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng việc áp dụng pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cải cách tư pháp hiện nay. Luận văn đã khảo sát, phân tích thực trạng áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Gia Lai trong những

năm qua. Học viên phân tích đánh giá những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, yếu kém của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai. Những hạn chế, yếu kém do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Song nguyên nhân chủ quan vẫn là cơ bản và chủ yếu, nhất là trình độ năng lực chuyên môn và kiến thức pháp lý của một bộ phận không nhỏ cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên ngành Kiểm sát còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Từ đó đưa ra đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21 tháng 3 năm 2000 về một số công việc cấp bách của Cơ quan tư pháp cần thực hiện*;
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*;
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*;
4. Bộ công an - Bộ quốc phòng - Bộ tài chính - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện KSND Tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TLTT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS về tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố*;
5. Bộ công an (2003), *Quyết định 1062/QĐ-BCA (A11) ngày 28 tháng 12 năm 2003*;
6. Bộ công an (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;
7. Bộ công an (2006), *Thông tư số 01/2006/TT-BCA ngày 12 tháng 01 năm 2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Điều 35 BLTTHS năm 2003*;
8. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
9. Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 48;
10. Đỗ Văn Đương (1999), *Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 138-140;
11. Phạm Hồng Hải (1999), *Bàn về quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 82-88;
12. Nguyễn Quốc Hưng, *Hình sự tố tụng lược giảng*, Nhà sách Khai trí, tr. 47-131;

13. Phạm Tuấn Khải (1999), *Vài ý kiến về quyền công tố và thực hành quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 100;
14. Kết luận về công tác kiểm sát năm 1968, *Nội san công tác kiểm sát*, số 3/ 1968;
15. Võ Quang Nhuận (1984), “*Bàn về quyền công tố*”, *đăng trên tạp chí công tác kiểm sát*, số 2/ 1984;
16. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, H. 1999, tr. 20-28-38;
17. Quốc hội khóa 6 (1980), *Hiến pháp năm 1980*;
18. Quốc hội khóa 9 (1992), *Hiến pháp năm 1992*;
19. Quốc hội khóa 13 (2013), *Hiến pháp năm 2013*;
20. Quốc hội khóa 12 (2009), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009*;
21. Quốc hội khóa 13 (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*;
22. Quốc hội khóa 11 (2003), *Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2003*;
23. Quốc hội khóa 13 (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
24. Quốc hội khóa 7 (1981), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981*;
25. Quốc hội khóa 10 (2002), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*;
26. Quốc hội khóa 13 (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*;
27. Quốc hội khóa 13 (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013*;
28. Quốc hội khóa 13 (2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm*.
29. Quốc hội khóa 13 (2013), *Nghị quyết số 67/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ban hành văn bản quy phạm quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành*.
30. Quốc hội khóa 13 (2015), *Nghị quyết số 110/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự*.

31. Võ Thọ (1985), *Một số vấn đề về Luật tố tụng hình sự*. Nxb. Pháp lý. H. 1985, tr. 86-88;
32. TS.Lê Hữu Thế chủ biên (2008), *Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp;
33. Lê Hữu Thế - Đỗ Văn Đương - Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
34. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1984), *Giáo trình công tác kiểm sát (Phần chung)*, tr. 69-72-74;
35. Nguyễn Tất Viễn (2002), *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Kỹ yếu đề tài cấp Bộ “Những giải pháp nâng cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”*, H. 2002-2003, tr.21-22;
36. Võ Khánh Vinh (2003), *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8/2003, tr.3;
37. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;
38. Võ Khánh Vinh (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.



## PHỤ LỤC

**Biểu 1**

### SỐ VỤ/ BỊ CAN CƠ QUAN ĐIỀU TRA THỤ LÝ GIẢI QUYẾT

| Tội  | Năm           |               |             |               |            |
|--|---------------|---------------|-------------|---------------|------------|
|  | 2011          | 2012          | 2013        | 2014          | 2015       |
| Tội cướp tài sản (Điều 133)  | 60/ 179       | 62/ 152       | 56/ 117     | 60/ 115       | 58/ 150    |
| Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134)                                       | 0             | 02/ 03        | 0           | 0             | 0          |
| Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)  | 06/ 06        | 09/ 21        | 12/ 31      | 12/ 30        | 15/ 61     |
| Tội cướp giật tài sản (Điều 136)   | 46/ 77        | 35/ 63        | 35/ 56      | 44/ 42        | 61/ 63     |
| Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137)   | 06/ 07        | 07 /09        | 01/ 03      | 02/ 02        | 0          |
| Tội trộm cắp tài sản (Điều 138)  | 386/<br>643   | 413/<br>665   | 459/<br>551 | 533/<br>728   | 590/ 764   |
| Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139)  | 25/ 30        | 28/ 29        | 34/ 35      | 50/ 53        | 32/ 37     |
| Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140)                                 | 17/19         | 15/ 17        | 16/ 17      | 26/ 26        | 16/ 18     |
| Tội chiếm giữ tài sản trái phép (Điều 141)   | 0             | 0             | 0           | 0             | 0          |
| Tội sử dụng tài sản trái phép (Điều 142)   | 0             | 0             | 0           | 0             | 0          |
| Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143)                                | 54/ 82        | 49/ 87        | 62/ 93      | 63/ 88        | 54/ 63     |
| Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144) | 0             | 0             | 0           | 0             | 0          |
| Tội Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145)                           | 0             | 0             | 0           | 0             | 0          |
| <b>Tổng</b>  | 600/<br>1.043 | 620/<br>1.046 | 675/<br>903 | 790/<br>1.084 | 826/ 1.156 |
| <b>Đề nghị truy tố</b>   | 596/<br>1.039 | 618/<br>1.041 | 675/<br>903 | 790/<br>1.084 | 824/ 1.154 |
| <b>Đình chỉ</b>  | 04/ 04        | 02/ 05        | 0           | 0             | 02/ 02     |

**Biểu 2****THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VIỆC KHỞI TỐ VỤ ÁN**

| Nội dung THQCT                                | Năm    |        |        |        |        |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|
|   | 2011   | 2012   | 2013   | 2014   | 2015   |
| Yêu cầu khởi tố, bổ sung, thay đổi QĐ khởi tố | 01/ 02 | 04/ 08 | 07/ 09 | 04/ 07 | 04/ 05 |
| Hủy bỏ QĐ khởi tố vụ án                       | 01     | 01     | 03     | 05     | 04     |
| QĐ thay đổi QĐ khởi tố vụ án                  | 0      | 03     | 01     | 01     | 01     |
| QĐ khởi tố vụ án                              |        |        |        |        |        |

**Biểu 3****QUYẾT ĐỊNH HỦY BỎ CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN**

| Biện pháp ngăn chặn                 | Năm  |      |      |      |      |
|-------------------------------------|------|------|------|------|------|
|                                     | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
| Bắt người trong trường hợp khẩn cấp | 10   | 04   | 17   | 09   | 5    |
| Bắt người để tạm giam               | 0    | 01   | 03   | 0    | 01   |
| Gia hạn tạm giữ                     | 01   | 05   | 10   | 04   | 07   |
| Tạm giam                            | 01   | 01   | 0    | 02   | 03   |

**Biểu 4****PHÊ CHUẨN CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN**

| Biện pháp ngăn chặn                 | Năm  |      |      |      |      |
|-------------------------------------|------|------|------|------|------|
|                                     | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
| Bắt người trong trường hợp khẩn cấp | 215  | 219  | 145  | 289  | 314  |
| Gia hạn tạm giữ                     | 176  | 109  | 93   | 179  | 257  |
| Tạm giam                            | 546  | 574  | 418  | 611  | 657  |
| Gia hạn tạm giam                    | 113  | 77   | 165  | 215  | 239  |

*Số liệu thống kê từ Phòng thống kê tội phạm VKSND tỉnh Gia Lai*